

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA



BÁO CÁO
CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO CKI,
CKII VÀ BSNT NĂM 2024

Nghệ An, 2024

TÀI LIỆU GỒM

1. Báo cáo
2. Thông tin chung
3. Biểu mẫu 01: Báo cáo thực hiện tuyển sinh đại học năm 2023
4. Biểu mẫu 02: Báo cáo thực hiện tuyển sinh Sau đại học năm 2023
5. Biểu mẫu 03: Báo cáo số sinh viên đang học năm 2024
6. Biểu mẫu 04: Kế hoạch tuyển sinh đại học năm 2024
7. Biểu mẫu 05: Kế hoạch tuyển sinh Sau đại học năm 2024
8. Biểu mẫu 06: Báo cáo số lượng giảng viên hiện tại
9. Biểu mẫu 06A: Danh sách giảng viên cơ hữu theo ngành/chuyên ngành và trình độ đào tạo năm 2024
10. Biểu mẫu 06B: Danh sách giảng viên thỉnh giảng theo ngành/chuyên ngành và trình độ đào tạo năm 2024
11. Biểu mẫu 07: Báo cáo số cơ sở thực hành theo ngành/chuyên ngành và trình độ đào tạo năm 2024
12. Biểu mẫu 08: Báo cáo thực hiện tuyển sinh Lào/campuchia năm 2023-2024
13. Biểu mẫu 09: Báo cáo cơ sở thực hành chính đạt yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ
14. Biểu mẫu 10: Bảng tổng hợp xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chuyên khoa, bác sĩ nội trú năm 2024

UBND TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG ĐHYK VINH

Số 462/BC.ĐHYKV

"Báo cáo công tác tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII và BSNT năm 2024"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế

Căn cứ Quyết định số 5084/QĐ-BYT ngày 09/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Nội khoa cho Trường ĐHYK Vinh; Căn cứ Quyết định số 4451/QĐ-BYT ngày 08/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Tai mũi họng, Sản phụ khoa, Nhi khoa cho Trường ĐHYK Vinh; Thực hiện Công văn số 394/ K2ĐT-ĐT ngày 05/03/2024 của Cục khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế về việc công tác tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII và BSNT năm 2024. Trường Đại học Y khoa Vinh xin gửi báo cáo cụ thể như sau:

- Báo cáo về tuyển sinh đào tạo khối ngành sức khỏe và xác định quy mô đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh CKI năm 2024 (có bản chi tiết đính kèm).

- Cập nhật trang thông tin điện tử của Trường ĐHYK Vinh qua đường link: <http://www.vmu.edu.vn/ba-cong-khai/chat-luong-giao-duc>.

Xin trân trọng cảm ơn!



Nguyễn Văn Tuấn

THÔNG TIN CHUNG

(Các cơ sở giáo dục đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học và sau đại học)

I Tên trường: Trường Đại học Y khoa Vinh

- Địa chỉ: 161- Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 023 83524062
- Website: <https://www.vmu.edu.vn>
- Fax: 023 83842163
- Email: Wedmaster@vmu.edu.vn

II Hiệu trưởng: TS. Nguyễn Văn Tuấn

- Điện thoại bàn: 02383524062
- Điện thoại di động: 0983 767 134
- Email: vantuan@vmu.edu.vn

III Lãnh đạo trường phụ trách công tác tuyển sinh: PGS.TS. Cao Trường Sinh

- Điện thoại bàn: 023 83848852
- Điện thoại di động: 091 3312695
- Email: truongsinh@vmu.edu.vn

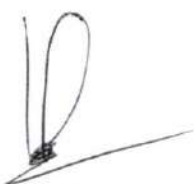
IV Lãnh đạo trường phụ trách/Trưởng phòng đào tạo đại học: TS. Nguyễn Quốc Đạt

- Điện thoại bàn: 023 83597502
- Điện thoại di động: 094 5728898
- Email: quocdat@vmu.edu.vn

V Trưởng phòng đào tạo sau đại học: TS. Trần Thị Kiều Anh

- Điện thoại bàn: 023 83524622
- Điện thoại di động: 091 2584133
- Email: kieuanh@vmu.edu.vn

Người lập biểu



Trần Thị Kiều Anh

Nghệ An, ngày 18 tháng 3 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2023

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Ngành	Số tốt nghiệp	Số chỉ tiêu ⁽¹⁾	Số nhập học	Số trúng tuyển	Hình thức tuyển sinh ⁽²⁾	Đào tạo đặt hàng/theo địa chỉ sử dụng ⁽³⁾	Liên kết đào tạo ⁽⁴⁾	Địa điểm đào tạo
I. Đào tạo chính qui									
1	Ngành Y khoa	389	410	412	446	Xét tuyển dựa trên KQ thi quốc gia THPT			Trường ĐHYK Vinh
2	Ngành Dược học	98	160	162	195				Trường ĐHYK Vinh
3	Ngành Y học dự phòng	49	30	12	23	- Xét tuyển dựa trên KQ thi quốc gia THPT; - Xét tuyển học bạ			Trường ĐHYK Vinh
4	Ngành Điều dưỡng	99	250	163	208				Trường ĐHYK Vinh
5	Ngành xét nghiệm Y học	42	60	53	66				Trường ĐHYK Vinh
	Tổng	677	910	802	938				
II. Đào tạo liên thông									
1	Ngành Y khoa	0	0	0	0				Trường ĐHYK Vinh
2	Ngành Điều dưỡng, vừa làm vừa học	77	150	151	151	Thí tuyển			Trường ĐHYK Vinh
	Tổng	77	150	151	151				
III. Cử tuyển									
	Tổng								
IV. Văn bằng 2									
	Tổng								
	Tổng (I+II+III+IV)	754	1060	953	1089				

Nghệ An, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng

Họ tên: Nguyễn Quốc Đạt

Chữ ký:

Điện thoại: 0945728898

Email: quocdat@vmu.edu.vn



Nguyễn Văn Tuấn

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số chỉ tiêu	Số nhập học	Số trúng tuyển
I	Tiến sỹ				
1					
	Tổng				
II	Thạc sỹ				
1	Y tế công cộng	8	20	13	13
	Tổng	8	20	13	13
III	Chuyên khoa cấp I				
1	Nội khoa	22	30	23	23
2	Nhi khoa	0	30	11	11
3	Sản phụ khoa	0	20	9	9
4	Tai mũi họng	0	30	10	10
	Tổng	22	110	53	53
IV	Chuyên khoa cấp II				
1					
	Tổng				
V	Bác sỹ nội trú				
1					
	Tổng				
Tổng (I+II+III+IV+V)		30	130	66	66

Nghệ An, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:



Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vnu.edu.vn



Nguyễn Văn Tuấn

BÁO CÁO SỐ SINH VIÊN ĐANG HỌC NĂM 2024

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

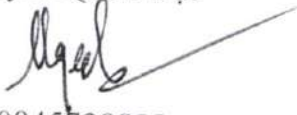
TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ, hình thức đào tạo	Số sinh viên đang học						Tổng quy mô
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	
I	Đại học	953	837	837	811	533	537	4508
1.1.	Chính quy							
1	Ngành Y khoa	412	432	377	416	360	380	2377
2	Ngành Dược học	162	160	159	145	88		714
3	Ngành Y học dự phòng	12	14	22	16	15	48	127
4	Ngành Điều dưỡng	163	123	216	153			655
5	Ngành xét nghiệm Y học	53	40	63	50			206
	Tổng	802	769	837	780	463	428	4079
1.2.	Liên thông							
1	Ngành Y khoa				31	70	109	210
2	Ngành Điều dưỡng, hệ liên thông CD-ĐH, vừa làm vừa học	151	68					219
	Tổng	151	68	0	31	70	109	429
II	Sau đại học	66	31					
2.1	Tiến sĩ							
	Tổng							
2.2	Thạc sĩ							
1	Y tế công cộng	13	13					
	Tổng	13	13					
2.3	Chuyên khoa cấp I							
1	Nội khoa	23	18					
2	Nhi khoa	11	0					
3	Sản phụ khoa	9	0					
4	Tai mũi họng	10	0					
	Tổng	53	18					
2.4	Chuyên khoa cấp II							
	Tổng							
2.5	Bác sĩ nội trú							
	Tổng							

Nghệ An, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng

Họ tên: Nguyễn Quốc Đạt

Chữ ký:



Điện thoại: 0945728898

Email: quocdat@vnu.edu.vn



Nguyễn Văn Tuấn

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2024

Tên đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Ngành	Tổng quy mô 31/12/2023	Dự kiến số tốt nghiệp 2024	Số chỉ tiêu ⁽¹⁾	Hình thức tuyển sinh ⁽²⁾	Đào tạo đặt hàng/theo địa chỉ sử dụng ⁽³⁾	Địa điểm đào tạo
I. Đào tạo chính qui							
1	Ngành Y khoa	2377	382	410	Xét tuyển dựa trên KQ thi quốc gia THPT		Trường ĐHYK Vinh
2	Ngành Dược học	714	88	160			Trường ĐHYK Vinh
3	Ngành Y học dự phòng	127	48	30	- Xét tuyển dựa trên KQ thi quốc gia THPT; - Xét tuyển học bạ		Trường ĐHYK Vinh
4	Ngành Điều dưỡng	655	151	250			Trường ĐHYK Vinh
5	Ngành xét nghiệm Y học	206	50	60			Trường ĐHYK Vinh
	Tổng	4079	719	910			
II. Đào tạo liên thông							
1	Ngành Y khoa	209	108		Xét tuyển dựa trên KQ thi quốc gia THPT		Trường ĐHYK Vinh
2	Ngành Điều dưỡng, hệ liên thông CĐ-ĐH, vừa làm vừa học	219	68	200	Thi tuyển		Trường ĐHYK Vinh
	Tổng	428	176	200			
III. Đào tạo cử tuyển							
	Tổng						
IV. Đào tạo văn bằng 2							
	Tổng						

Người lập bảng
Họ tên: Nguyễn Quốc Đạt
Chữ ký: 
Điện thoại: 0945728898
Email: quocdat@vmu.edu.vn

Nghệ An, ngày 18 tháng 3 năm 2024


HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

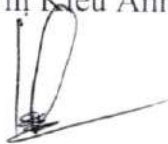
KẾ HOẠCH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024

Tên đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô 31/12/2023	Dự kiến số tốt nghiệp 2024	Chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
I	Tiến sỹ					
	Tổng					
II	Thạc sỹ					
1	Y tế công cộng	26	13	20	Tháng 8/2024	Trường ĐHYK Vinh
	Tổng	26	13	20		
III.	Chuyên khoa cấp I					
1	Nội khoa	41	18	30	Tháng 8/2024	Trường ĐHYK Vinh
2	Nhi Khoa	11	0	30	Tháng 8/2024	Trường ĐHYK Vinh
3	Sản phụ khoa	9	0	20	Tháng 8/2024	Trường ĐHYK Vinh
4	Tai mũi họng	10	0	30	Tháng 8/2024	Trường ĐHYK Vinh
	Tổng	71	18	110		
IV	Chuyên khoa cấp II					
	Tổng					
V	Bác sỹ nội trú					
	Tổng					

Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập bảng
Họ tên: Trần Thị Kiều Anh
Chữ ký:



Điện thoại: 0912584133
Email: kieuanh@vmu.edu.vn



Nguyễn Văn Tuấn

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO NĂM 2024**

Tên đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo (2)	Danh sách giảng viên cơ hữu xác định theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (3)	Học hàm/ học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
I	Tiến sĩ					
II	Thạc sĩ					
2.1	Y tế công cộng					
1			Nguyễn Cảnh Phú	x	Phó giáo sư	Y học
2			Phan Quốc Hội	x	Tiến sĩ	Y tế công cộng
3			Trần Ngọc Bình	x	Tiến sĩ	VSLĐ và YHMT
4			Ngô Trí Hiệp	x	Tiến sĩ	VSXHH và TCYT
5			Nguyễn Trọng Tuấn	x	Tiến sĩ	Y tế công cộng
6			Chu Trọng Trang	x	Tiến sĩ	Y tế công cộng
7			Nguyễn Thị Nga	x	Tiến sĩ	Y tế công cộng
III	Chuyên khoa cấp I					
3.1	Nội khoa					
1			Cao Trường Sinh	x	Phó giáo sư	Nội tim mạch
2			Nguyễn Ngọc Hòa	x	Tiến sĩ	Thần kinh
3			Nguyễn Văn Tuấn	x	Tiến sĩ	Nội khoa
4			Quế Anh Trâm	x	Tiến sĩ	Truyền nhiễm
5			Lê Nhật Huy	x	Tiến sĩ	Nội khoa
6			Ngô Đức Kỳ	x	Tiến sĩ	Nội khoa

7			Phạm Hồng Phương	x	Tiến sĩ	Nội tim mạch
8			Nguyễn Đức Phúc	x	Tiến sĩ	Gây mê hồi sức
9			Nguyễn Trung Kiên	x	Tiến sĩ	Nội khoa
3.2	<i>Nhi khoa</i>					
1			Bùi Kim Thuận	x	Tiến sĩ	Nhi khoa
2			Trần Văn Cương	x	Tiến sĩ	Nhi khoa
3			Nguyễn Chí Sỹ	x	BSCCKII	Nhi khoa
3.3	<i>Sản phụ khoa</i>					
1			Lê Thị Thanh Tâm	x	Tiến sĩ	Sản phụ khoa
2			Đinh Văn Sinh	x	BSCCKII	Sản phụ khoa
3			Trần Thị Ngọc Hà	x	BSCCKII	Sản phụ khoa
3.4	<i>Tai mũi họng</i>					
1			Nguyễn Trọng Tài	x	Phó giáo sư	Tai mũi họng
2			Tăng Xuân Hải	x	BSCCKII	Tai mũi họng
3			Chu Thị Kim Anh	x	BSCCKII	Tai mũi họng
IV	<i>Chuyên khoa cấp II</i>					
V	<i>Bác sĩ nội trú</i>					
VI	<i>Đại học</i>					
5.1	<i>Ngành Y khoa</i>					
1		Đinh Trí Hùng		x	BSCCKI	CDHA
2		Nguyễn Thanh Hải		x	BSCCKII	CDHA
3		Nguyễn Minh Tiến		x	BSCCKI	CDHA
4		Nguyễn Thị Minh Huệ		x	Thạc sĩ	CDHA
5		Phạm Vĩnh Hùng		x	Tiến sĩ	Y học
6		Phan Thị Thu Hương		x	Thạc sĩ	CDHA

7		Nguyễn Tất Thắng		x	Thạc sĩ	CĐHA
8		Trình Văn Kỳ		x	Thạc sĩ	CĐHA
9		Đình Nhân Dương		x	Thạc sĩ	CĐHA
10		Bùi Mạnh Hà		x	Thạc sĩ	Chấn thương
11		Nguyễn Thị Minh Hạnh		x	BSCKI	Da liễu
12		Phạm Thị Thanh Huyền		x	Thạc sĩ	Da liễu
13		Nguyễn Mạnh Hùng		x	Thạc sĩ	Gây mê hồi sức
14		Lê Thị Linh		x	Thạc sĩ	Giải phẫu
15		Nguyễn Tuấn Anh		x	Thạc sĩ	Giải phẫu bệnh
16		Lê Bá Kiên		x	Thạc sĩ	Hoá sinh
17		Nguyễn Văn Thủy		x	Thạc sĩ	hồi sức cấp cứu
18		Phan Thế Dũng		x	Thạc sĩ	HSCC
19		Trịnh Xuân Nam		x	Thạc sĩ	HSTC-CĐ
20		Nguyễn Xuân Thúc		x	Thạc sĩ	Lao&bệnh phổi
21		Thái Đình Lâm		x	Thạc sĩ	Lao&bệnh phổi
22		Võ Thị Thanh Thuỷ		x	Thạc sĩ	Lý sinh
23		Trịnh Thị Hà		x	Thạc sĩ	Mắt
24		Phan Đình Toàn		x	Thạc sĩ	Mắt
25		Lê Thị Thanh Trà		x	Thạc sĩ	Mắt
26		Nguyễn Thị Mỹ Thành		x	Tiến sĩ	Miễn dịch
27		Nguyễn Trọng Hiếu		x	BSCKI	Ngoại
28		Nguyễn Hoài Nam		x	Thạc sĩ	Ngoại
29		Tăng Huy Cường		x	Thạc sĩ	Ngoại
30		Đậu Anh Trung		x	BSCKII	Ngoại
31		Đoàn Phòng Lê		x	Thạc sĩ	Ngoại khoa
32		Nguyễn Huy Toàn		x	Tiến sĩ	ngoại khoa
33		Lê Ngọc Bằng		x	Thạc sĩ	ngoại khoa

34		Nguyễn Thị Hải Lâm		x	Thạc sĩ	Ngoại ngữ
35		Bùi Hồng Ngọc		x	Thạc sĩ	Ngoại ngữ
36		Nguyễn Tư Hùng		x	Thạc sĩ	Nhi khoa
37		Đoàn Thị Thanh Bình		x	Thạc sĩ	Nhi khoa
38		Bùi Thị Hương		x	Thạc sĩ	nhi khoa
39		Bùi Anh Sơn		x	Thạc sĩ	Nhi khoa
40		Phan Việt Tâm Anh		x	BSCKI	Nội
41		Nguyễn Thanh Hải		x	BSCKI	Nội
42		Nguyễn Đình Tuyên		x	BSCKI	Nội
43		Nguyễn Thanh Bình		x	BSCKI	Nội
44		Nguyễn Thị Thuỷ Dung		x	Thạc sĩ	Nội
45		Vũ Đình Bá		x	Thạc sĩ	Nội
46		Bùi Thị Mai An		x	Thạc sĩ	Nội
47		Trần Thị Thanh Nga		x	Thạc sĩ	PPGD Hoá học
48		Hoàng Kim Tuấn		x	Thạc sĩ	PTTK cốt sống
49		Nguyễn Lâm Thắng		x	Thạc sĩ	PTTK cốt sống
50		Lê Thị Phước An		x	BSCKI	RHM
51		Nguyễn T Phương Thảo		x	BSCKI	RHM
52		Nguyễn Thị Cẩm Tú		x	Thạc sĩ	RHM
53		Hoàng Thị Thu		x	BSCKI	Sản
54		Hoàng Quốc Kiều		x	BSCKI	Sản
55		Phạm Sỹ Hùng		x	Thạc sĩ	Sản
56		Lương Thị Kim Oanh		x	Thạc sĩ	sản phụ khoa
57		Phan Thị Lan Anh		x	Thạc sĩ	Sinh học Thực nghiệm
58		Lê Huy Công		x	Thạc sĩ	TDCN
59		Lê Văn Bình		x	Thạc sĩ	Thần kinh
60		Nguyễn Huy Lợi		x	Thạc sĩ	Tim mạch

61	Tăng Thị Thanh Huyền	x	Thạc sĩ	Tin học
62	Nguyễn Kim Long	x	BSCKI	TMH
63	Hồ Xuân Diễm	x	BSCKI	TMH
64	Lê Thị Giang	x	Thạc sĩ	VS-KST
65	Lê Thị Như Hoa	x	Thạc sĩ	Y đa khoa
66	Trần Tú Anh	x	Thạc sĩ	y học
67	Lê Thị Minh Hằng	x	Thạc sĩ	y học
68	Hà Thanh Bình	x	Thạc sĩ	y học
69	Ngô Thị Thanh	x	Thạc sĩ	Y học
70	Nguyễn Thị Bích Lam	x	Thạc sĩ	Y học
71	Lê Trọng Thông	x	BSCKII	Ngoại khoa
72	Trần Văn Trung	x	Thạc sĩ	y học
73	Nguyễn Hữu Hoài	x	Thạc sĩ	y học
74	Lê Trọng Tài	x	Thạc sĩ	y học
75	Nguyễn Thị Hảo	x	Thạc sĩ	y học
76	Bùi Viết Tuấn	x	Thạc sĩ	y học
77	Nguyễn Ngọc Hùng	x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
78	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
79	Trần Thị Yến	x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
80	Trần Thị Oanh	x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
81	Cao Thị Phi Nga	x	Thạc sĩ	YTCC
82	Phạm Đình Du	x	Thạc sĩ	YTCC
83	Lê Thị Trang	x	Thạc sĩ	YTCC
84	Bùi Thị Thanh Hoa	x	Thạc sĩ	YTCC
85	Nguyễn Thị Nga	x	Thạc sĩ	YTCC
86	Nguyễn Đức Vương	x	Tiến sĩ	Chấn thương
87	Nguyễn Viết Hải	x	BSCKII	Da liễu

88		Hồ Viết Thắng		x	BSCKII	Gây mê hồi sức
89		Nguyễn Đức Phúc		x	Tiến sĩ	HSCC
90		Hoàng Thị Yến		x	Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam
91		Trần Tất Thắng		x	Tiến sĩ	Mắt
92		Đinh Văn Chiến		x	Tiến sĩ	Ngoại
93		Hoàng Hoa Thám		x	BSCKII	Ngoại
94		Nguyễn Hồng Trường		x	BSCKII	Ngoại
95		Nguyễn Chí Sỹ		x	BSCKII	Nhi – hô hấp
96		Thái Văn Bình		x	Tiến sĩ	Nhi khoa
97		Trương Lệ Thi		x	BSCKII	Nhi khoa
98		Nguyễn Văn Nam		x	BSCKII	Nhi khoa
99		Bùi Kim Thuận		x	Tiến sĩ	Nhi khoa - Hô hấp
100		Nguyễn Văn Tuấn		x	Tiến sĩ	Nội
101		Ngô Đức Kỳ		x	Tiến sĩ	Nội
102		Lê Nhật Huy		x	Tiến sĩ	Nội
103		Võ Hồng Sơn		x	BSCKII	Nội
104		Nguyễn Trung Kiên		x	Tiến sĩ	Nội khoa
105		Đinh Xuân Hương		x	BSCKII	QLYT
106		Lê Xuân Thu		x	BSCKII	RHM
107		Đinh Văn Sinh		x	BSCKII	Sản
108		Trần Quốc Toàn		x	BSCKII	Sản
109		Nguyễn Thúy Văn		x	BSCKII	Sản
110		Lê Thị Thanh Tâm		x	Tiến sĩ	Sản phụ khoa
111		Nguyễn Ngọc Hoà		x	Tiến sĩ	Thần kinh
112		Nguyễn Văn Long		x	BSCKII	Thần kinh
113		Phạm Hồng Phương		x	Tiến sĩ	Tim mạch
114		Nguyễn Trọng Tài		x	PGS. Tiến sĩ	TMH

115		Nguyễn Trọng Tuấn		x	Tiến sĩ	TMH
116		Chu Thị Kim Anh		x	BSCCKII	TMH
117		Tăng Xuân Hải		x	BSCCKII	TMH
118		Nguyễn Thị Quỳnh Nga		x	Tiến sĩ	Toán học-Xác suất&TK
119		Quế Anh Trâm		x	Tiến sĩ	Truyền Nhiễm
120		Phan Sỹ Thanh Hà		x	Tiến sĩ	y học
121		Trần Văn Cương		x	Tiến sĩ	Y học
122		Trịnh Văn Thông		x	Tiến sĩ	y học
123		Phan Quốc Hội		x	Tiến sĩ	YTCC
124		Đặng Văn Hùng Minh		x	BSCCKII	Ngoại
125		Lê Anh Xuân		x	Thạc sĩ	Ngoại
126		Nguyễn Quang Trung		x	PGS.Tiến sĩ	Ngoại
127		Nguyễn Văn Hương		x	PGS.Tiến sĩ	Ngoại - Tiêu hóa
128		Nguyễn Cảnh Phú		x	PGS.Tiến sĩ	Y học
129		Trần Thị Ngọc Hà		x	BSCCKII	Sản
5.2	Ngành Điều dưỡng					
1		Bùi Kim Khánh Trinh		x	Thạc sĩ	Nhi khoa
2		Hồ Thị Hải Lê		x	Đại học	Điều dưỡng
3		Hoàng Thị Thúy Anh		x	Đại học	Điều dưỡng
4		Mai Thị Hương		x	Đại học	Điều dưỡng
5		Võ Thị Thúy Hằng		x	Đại học	Mắt
6		Trần Hương Lam		x	Đại học	Răng - Hàm - Mặt
7		Vì Thị Hương Thảo		x	Thạc sĩ	YTCC
8		Vũ Thị Thu		x	Thạc sĩ	Nhi khoa
9		Nguyễn Anh Đức		x	Thạc sĩ	Ngoại khoa
10		Phạm Thị Nhuận		x	Thạc sĩ	Chính trị học
11		Nguyễn Thị Thanh Tình		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng

12		Nguyễn Thị Thanh Hà		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng
13		Trần Thị Nga		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng
14		Đinh Thị Hằng Nga		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng
15		Đinh Trọng Quang		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng
16		Phan Thị An Dung		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng
17		Phan Thị Thuý		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng
18		Vũ Thị Thu Thuý		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng
19		Chu Thị Nguyệt		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng
20		Nguyễn Duy Quyết		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng
21		Đậu Thị Hiền		x	Thạc sĩ	Điều dưỡng
22		Nguyễn Thị Thanh Hiền		x	Thạc sĩ	Hộ sinh
23		Lê Thị Hải Thanh		x	Thạc sĩ	Hoá học
24		Trần Thị Vân		x	BSCKI	HSCC
25		Trần Thị Thanh Huyền		x	BSCKI	Mắt
26		Phan Minh Ngọc		x	Thạc sĩ	Ngoại
27		Nguyễn Mậu Quý		x	Thạc sĩ	Ngoại
28		Trần Doãn Chung		x	BSCKI	Ngoại khoa
29		Võ Tú Anh		x	Thạc sĩ	Ngoại ngữ
30		Ngô Thị Hà		x	BSCKI	Nhi khoa
31		Nguyễn Thị Vân Anh		x	BSCKI	Nội
32		Cao Thị Thủy		x	Thạc sĩ	Nội
33		Võ Thị Thu Hiền		x	Thạc sĩ	RHM
34		Lê Thị Hằng		x	BSCKI	Sản
35		Trần Văn Bảo		x	BSCKI	sản phụ khoa
36		Phan Thị Loan		x	BSCKI	sản phụ khoa
37		Đinh Thị Quỳnh		x	BSCKI	sản phụ khoa
38		Thái Thị Linh		x	Thạc sĩ	sinh học thực nghiệm

39		Trịnh Thanh Hưng		x	BSCKI	Tai Mũi họng
40		Nguyễn Thị Phụng		x	Thạc sĩ	TDĐT - GDQP
41		Lê Quang Toàn		x	Thạc sĩ	Thần kinh
42		Hồ Đăng Mười		x	Thạc sĩ	TK- PHCN
43		Nguyễn Ngọc Hùng		x	Thạc sĩ	TMH
44		Đoàn Thị Hồng Nhật		x	Thạc sĩ	TMH
45		Vương Thị Hải Hà		x	Thạc sĩ	Toán học
46		Bùi Thu Thủy		x	Thạc sĩ	Vì sinh Y học
47		Phạm Thị Thu Hiền		x	Thạc sĩ	y học
48		Đậu Cử Nhân		x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
49		Lê Tuấn Anh		x	BSCKI	YTCC
50		Trịnh Hùng Tiến		x	BSCKI	YTCC
51		Nguyễn Thị Bích Nguyệt		x	Thạc sĩ	YTCC
52		Nguyễn Đức Dương		x	Tiến sĩ	Điều dưỡng
53		Nguyễn Quốc Đạt		x	Tiến sĩ	Ngoại
54		Trần Thị Kiều Anh		x	Tiến sĩ	Nhi khoa
55		Nguyễn Xuân Khoa		x	Tiến sĩ	Sinh học - Động vật học
56		Cao Trường Sinh		x	PGS. Tiến sĩ	Nội Tim Mạch
57		Nguyễn T. Thanh Hương		x	Thạc sĩ	Giáo dục chính trị
5.3	Ngành Dược học					
1		Tạ Thị Minh		x	Thạc sĩ	Huyết học - Truyền máu
2		Ngô Giang Nam		x	Thạc sĩ	TDĐT - GDQP
3		Nguyễn Thị Vân		x	Thạc sĩ	Sinh lý học
4		Nguyễn Thị Bích Hà		x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
5		Trần Thị Oanh		x	Thạc sĩ	CN Dược phẩm - Bảo chế
6		Nguyễn Thị Thúy Ngân		x	Thạc sĩ	Dược học
7		Nguyễn Thị Hồng Thanh		x	Thạc sĩ	Dược học

8		Nguyễn Thu Hằng		x	Thạc sĩ	Dược học
9		Hồ Thị Dung		x	Thạc sĩ	Dược học
10		Nguyễn T. Thuỳ Dương		x	Thạc sĩ	Dược học
11		Đặng Thị Vân Anh		x	Thạc sĩ	Dược học
12		Đặng Thị Soa		x	Thạc sĩ	Dược lý - Dược lâm sàng
13		Trần Thị Anh Thơ		x	Thạc sĩ	Dược lý - Dược lâm sàng
14		Nguyễn Thị Cần		x	Thạc sĩ	Dược lý - Dược lâm sàng
15		Kiều Mai Anh		x	Tiến sĩ	Dược học
16		Trương Chiến Thắng		x	Thạc sĩ	Hoá học
17		Vũ Thị Thuý		x	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ
18		Phạm Thị Hải Yến		x	Thạc sĩ	Hóa phân tích
19		Tạ Trâm Anh		x	Thạc sĩ	Lý sinh
20		Lê Thị Thanh Huyền		x	Thạc sĩ	Nhi khoa
21		Lê Thị Cẩm		x	BSCKI	Nội
22		Trần Thị Hồng Thanh		x	Thạc sĩ	Nội
23		Nguyễn Thị Thùy Linh		x	Thạc sĩ	Nội khoa
24		Lương Quốc Tuấn		x	DSCKII	Quản lý Dược
25		Lê Thị Hằng		x	DSCKII	Dược
26		Ngô Trí Diễm		x	DSCKII	Dược
27		Nguyễn Thị Thanh Hoa		x	DSCKI	Dược
28		Vũ Ngọc Quỳnh		x	Thạc sĩ	RHM
29		Phan Thị Yên		x	Thạc sĩ	Sinh học Thực nghiệm
30		Lê Trọng Đề		x	Thạc sĩ	TDĐT - GDQP
31		Nguyễn Anh Dũng		x	Thạc sĩ	Thần kinh
32		Phạm Thị Thắng		x	Thạc sĩ	Tin học
33		Phạm Văn Sơn		x	Thạc sĩ	TMH
34		Nguyễn Thị Minh Thuý		x	Thạc sĩ	Tổ chức Quản lý Dược

35		Trần Phương		x	Thạc sĩ	Y học
36		Lê Thị Chung		x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
37		Phạm Đắc Cao		x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
38		Nguyễn Thị Mai Thơ		x	Thạc sĩ	YTCC
39		Nguyễn T. Thanh Chung		x	Tiến sĩ	Sinh học - Ký sinh trùng
40		Lê Thị Mai Hoa		x	Tiến sĩ	Hóa hữu cơ
41		Lê Đông Hiếu		x	Tiến sĩ	Thực vật học
42		Hà Văn Thúy		x	PGS. Tiến sĩ	Dược học
43		Nguyễn T. Minh Nguyệt		x	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
5.4	Ngành Kỹ thuật xét nghiệm					
1		Nguyễn Tài Tiến		x	BSCKII	Giải phẫu bệnh
2		Phan Minh Vương		x	BSCKI	Giải phẫu bệnh
3		Trần Đức Hùng		x	BSCKII	Giải phẫu bệnh
4		Phan Thị Hà Linh		x	Thạc sĩ	Hóa sinh
5		Phạm Ánh Ngời		x	BSCKI	Huyết học
6		Phạm Văn Thái		x	BSCKI	Huyết học
7		Phan Thị Lua		x	Thạc sĩ	Kỹ thuật Y học (XN)
8		Nguyễn Thị Thái		x	Thạc sĩ	Ngoại ngữ
9		Hoàng Thị Cúc		x	Thạc sĩ	Nội
10		Nguyễn Thị Hoa		x	Thạc sĩ	RHM
11		Nguyễn Thị Thu		x	Thạc sĩ	Sinh lý bệnh
12		Hoàng Thị An Hà		x	Thạc sĩ	Vì sinh Y học
13		Trần Thị Phúc		x	Thạc sĩ	Xét nghiệm
14		Nguyễn Hoàng Phi		x	Thạc sĩ	Y học chức năng
15		Trần Thị Thủy Dương		x	Thạc sĩ	Y học chức năng
16		Nguyễn Thị Hồng Diệp		x	Thạc sĩ	YTCC
17		Trần Thị Quỳnh Liên		x	Tiến sĩ	Ký sinh trùng
18		Chu Trọng Trang		x	Tiến sĩ	YTCC

5.5	Ngành Y học dự phòng					
1		Nguyễn Khánh Linh		x	Đại học	Y đa khoa
2		Nguyễn Thị Bạch Diệp		x	Đại học	Y đa khoa
3		Trần Thị Thanh Tâm		x	Đại học	Y đa khoa
4		Hoàng Ngọc Đan		x	BSCKI	Dịch tễ học thực địa
5		Nguyễn Trung Dũng		x	Thạc sĩ	LL & PPDH BM Chính trị
6		Nguyễn Thị Mai		x	Thạc sĩ	Ngoại ngữ
7		Đậu Thị Tuyết		x	Thạc sĩ	Quản lý bệnh viện
8		Hồ Thị Thu Phương		x	Thạc sĩ	RHM
9		Nguyễn Thị Hà Phương		x	Thạc sĩ	Sân
10		Nguyễn Tùng Lâm		x	BSCKI	SKNN
11		Nguyễn Anh Dũng		x	Thạc sĩ	Tai Mũi họng
12		Hà Phúc Hòa		x	BSCKI	Truyền Nhiễm
13		Nguyễn Thị Ngọc Hoa		x	BSCKI	Xét nghiệm y học
14		Bùi Tiến Dũng		x	BSCKI	YHDP
15		Trần Minh Long		x	Thạc sĩ	YHDP
16		Phan Thị Diệu Ngọc		x	Thạc sĩ	YTCC
17		Ngô Trí Hiệp		x	Tiến sĩ	Truyền nhiễm
18		Trần Ngọc Bình		x	Tiến sĩ	VSLĐ-YHMT
Tổng cộng: 290 giảng viên						

Người lập bảng

Họ tên: Cao Thị Thanh Lương

Chữ ký:

Lương

Điện thoại: 0983403494

Email: thanhluong@vmu.edu.vn

Nghệ An, ngày 18 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO NĂM 2024

Tên đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên thỉnh giảng là cán bộ cơ hữu của cơ sở thực hành đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/ học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Đơn vị đang công tác
I	Tiến sỹ					
II	Thạc sỹ					
2.1	Y tế công cộng					
1		Đậu Huy Hoàn	x	Tiến sỹ	Y Khoa	Bệnh viện Phổi
2		Nguyễn Văn Thương	x	Tiến sỹ	Y tế công cộng	Sở Y tế NA
III	Chuyên khoa cấp I					
3.1	Nội khoa					
3.2	Nhi khoa					
1		Ngô Anh Vinh	x	Tiến sỹ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi Trung ương
2		Trần Lệ Thi	x	BSCKII	Nhi khoa	Bệnh viện Sản Nhi NA
3		Nguyễn Văn Nam	x	BSCKII	Nhi khoa	Bệnh viện Sản Nhi NA
4		Nguyễn Thanh Khôi	x	BSCKII	Nhi khoa	Bệnh viện Sản Nhi NA
5		Vũ Thị Quyên	x	BSCKII	Nhi khoa	Bệnh viện Sản Nhi NA



6		Võ Mạnh Hùng	x	BSCKII	Nhi khoa	Bệnh viện Sản Nhi NA
3.3	Sản phụ khoa					
1		Lê Thị Hoài Chung	x	BSCKII	Sản phụ khoa	BT huyện Yên Thành
3.4	Tai mũi họng					
1		Đậu Ngọc Triều	x	BSCKII	Thính học	BV Trường ĐHYK Vinh
2		Bùi Thị Hồng Giang	x	BSCKII	Tai mũi họng	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
3		Đặng Vũ Hiệp	x	BSCKII	Tai mũi họng	BV Quân Y4
VI	Đại học					
5.1	Ngành Y khoa					
1		Trần Văn Biên		BSCKII	Ngoại khoa	BV Chấn thương chỉnh hình NA
2		Nguyễn Đình Hiếu		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Ung bướu NA
3		Hồ Văn Bình		BSCKII	Ngoại	Bệnh viện Trường ĐHYK Vinh
4		Hồ Yên Ca		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
5		Phan Ngọc Khóa		Thạc sĩ	Ngoại	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
6		Vũ Thế Hùng		Thạc sĩ	Phẫu thuật thẩm mỹ	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
7		Trần Văn Quân		Thạc sĩ	Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
8		Nguyễn Văn Độ		Thạc sĩ	Nhân khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
9		Đặng Đình Khoa		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
10		Phạm Văn Anh		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
11		Vô Tá Trung		Thạc sĩ	Sản phụ khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
12		Phan Thanh Sơn		Thạc sĩ	Sản phụ khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
13		Nguyễn Thị Hồng Vân		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
14		Phạm Trọng Nam		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
15		Trần Văn Thông		Thạc sĩ	Ngoại	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
16		Hồ Thị Hoài Thương		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
17		Nguyễn Xuân Chung		Thạc sĩ	Sản phụ khoa	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An

18		Nguyễn Hữu Sơn		Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An
19		Hồ Giang Nam		Thạc sĩ	Sản phụ khoa	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An
20		Trần Thị Ngọc Hà		Thạc sĩ	Sản phụ khoa	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An
21		Nguyễn Văn Hiếu		Thạc sĩ	Ngoại chấn thương	Bệnh viện đa khoa thành phố
22		Trần Thị Thu Hà		BSCKI	Nội khoa	Bệnh viện đa khoa thành phố
23		Phạm Thị Vân		Thạc sĩ	Mắt	Bệnh viện đa khoa thành phố
24		Hoàng Văn Lượng		BSCKI	Răng hàm mặt	Bệnh viện đa khoa thành phố
25		Nguyễn Thanh Hải		BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện đa khoa thành phố
26		Hà Thị Vân Anh		BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện đa khoa thành phố
27		Ngô Nam Hải		BSCKI	Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện đa khoa thành phố
28		Lưu Đình Bình		BSCKI	Gây mê hồi sức	Bệnh viện đa khoa thành phố
29		Vô Văn Phong		Thạc sĩ	Sản khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
30		Hoàng Cảnh Tùng		BSCKI	Sản khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
31		Bùi Hồng Quang		BSCKI	Sản khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
32		Đậu Thị Tân Quyên		BSCKI	Sản khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
33		Phạm Gia Trung		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
34		Võ Nguyễn Anh Tú		BSCKI	Gây mê hồi sức	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
35		Hoàng Công Anh		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
36		Trần Văn Tuấn		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
37		Nguyễn Văn Hưng		BSCKI	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
38		Hoàng Ngọc Hải		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
39		Đậu Minh Quang		BSCKII	Lao	Bệnh viện Phổi Nghệ An
40		Trịnh Đức Minh		Thạc sĩ	Y học	Bệnh viện Phổi Nghệ An
41		Nguyễn Hữu Tân		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
42		Nguyễn Thị Lê Dung		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
43		Nguyễn Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA

44		Nguyễn Thị Hoài Trang		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
45		Nguyễn Khắc Tú		BSCKI	Gây mê hồi sức	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
46		Vũ Văn Tình		Thạc sĩ	Nội tim mạch	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
47		Lê Đức Tài		Thạc sĩ	Nội tim mạch	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
48		Trần Trung Kiên		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
49		Nguyễn Hồng Việt		Thạc sĩ	Ngoại thần kinh	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
50		Phạm Văn Chung		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
51		Kiều Văn Dương		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
52		Lê Anh Tú		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Nội tiết Nghệ An
53		Lê Giang Nam		BSCKI	Truyền nhiễm	Bệnh viện đa khoa KV Tây Bắc NA
54		Nguyễn Khánh Toàn		Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An
55		Thái Văn Chương		BSCKII	Quản lý y tế	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
56		Hoàng Ngọc Anh		BSCKII	QLYT	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
57		Đặng Vũ Hiệp		BSCKII	Tai - Mũi - Họng	Bệnh viện Quân y 4
58		Lê Thị Hoài Chung		BSCKII	Sản	Trường Chính trị tỉnh
59		Trần Minh Long		Tiến sĩ	Gây mê hồi sức	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An
60		Nguyễn Cảnh Cương		BSCKII	Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
61		Ngô Anh Vinh		Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi trung ương
62		Vũ Thị Quyên		BSCKII	Nhi khoa	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An
63		Võ Mạnh Hùng		BSCKII	Nhi khoa	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An
64		Lê Việt Cường		BSCKII	Ngoại khoa	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc
65		Hà Văn Quyết		GS.TS	Ngoại khoa	Đại học Phenikaa
66		Phan Thanh Tuấn		BSCKII	Ngoại khoa	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình NA
67		Nguyễn Tất Ngọc		BSCKII	Ngoại khoa	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình NA
68		Nguyễn Duy Quyết		BSCKI	Ngoại khoa	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình NA
69		Phan Quốc Khánh		BSCKII	Tai - Mũi - Họng	Bệnh viện Quân y 4

70		Bùi Danh Ánh		BSCKII	Ngoại khoa	Bệnh viện đa khoa thành phố
71		Hoàng Thị Hải Yến		BSCKII	Nội khoa	Bệnh viện đa khoa thành phố
72		Hồ Thị Tâm		BSCKII	Y học cổ truyền	Bệnh viện đa khoa thành phố
73		Vũ Đình Giáp		BSCKII	Ngoại khoa	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An
74		Hoàng Thị Thu Hương		BSCKII	Nội khoa	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An
75		Phạm Thị Hoàng Phượng		BSCKII	Nội khoa	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An
76		Chu Văn Chiến		BSCKII	Ngoại khoa	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An
77		Nguyễn Thái Dũng		Tiến sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Da liễu
78		Đậu Ngọc Triều		BSCKII	Tai - Mũi - Họng	Bệnh viện Trường ĐHYK Vinh
5.2	Ngành Điều dưỡng					
1		Nguyễn Song Duệ		BSCKII	Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình NA
2		Hoàng Thị Anh Phương		BSCKI	Sản phụ khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
3		Đặng Ngọc Anh		BSCKI	Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
4		Trần Cương		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
5		Hoàng Thị Thu Hiền		BSCKI	Da liễu	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
6		Nguyễn Vĩnh Hải		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
7		Trần Nhật Thành		BSCKI	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
8		Phan Sỹ Thái		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
9		Lê Huy Ngọc		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
10		Hồ Trường Thắng		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
11		Nguyễn Thị Mỹ Linh		Thạc sĩ	Nội thần kinh	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
12		Nguyễn Thị Khánh Trâm		BSCKI	Sản khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
13		Trần Xuân Cảnh		Thạc sĩ	Sản phụ khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
14		Phan Thị Thục Anh		BSCKI	Răng Hàm Mặt	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
15		Bùi Thị Hồng Giang		BSCKII	Tai Mũi Họng	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
16		Phạm Thị Thu Hằng		BSCKI	Tai Mũi Họng	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA

17		Hoàng Văn Thái		BSCKI	Cấp cứu	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
18		Nguyễn Văn Ngọc		BSCKI	Gây mê hồi sức	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
19		Nguyễn T.Phương Thanh		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
20		Nguyễn Trung Hường		BSCKI	Răng - Hàm - Mặt	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
21		Đoàn Thị Ngọc		BSCKI	Sản phụ khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
22		Phan Đức Chính		Thạc sĩ	Tai - Mũi - Họng	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
23		Nguyễn Thùy Dung		Thạc sĩ	Y học	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
24		Nguyễn Thanh Khôi		BSCKII	Nhi khoa	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An
25		Phan Quang Trung		Thạc sĩ	Y học	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
26		Lê Văn Hoành		Thạc sĩ	Sản phụ khoa	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An
27		Trần Đức Trọng		BSCKII	Ngoại khoa	Bệnh viện đa khoa thành phố
28		Lê Thị Mỹ Hạnh		BSCKI	Nội khoa	Bệnh viện đa khoa thành phố
29		Trần Thị Vân		BSCKI	Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện đa khoa thành phố
30		Nguyễn Thị Nga		BSCKI	Sản khoa	Bệnh viện đa khoa thành phố
31		Cao Khắc Anh		BSCKI	Tai mũi họng	Bệnh viện đa khoa thành phố
32		Nguyễn Việt Thanh		BSCKI	Mắt	Bệnh viện đa khoa thành phố
33		Nguyễn Thị Tú Oanh		BSCKI	Răng hàm mặt	Bệnh viện đa khoa thành phố
34		Nguyễn Văn Trùng		BSCKI	Sản khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
35		Huỳnh Đức Lâm		BSCKI	Sản khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
36		Dương Đình Hoàng		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
37		Cù Huy Thắng		BSCKI	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
38		Nguyễn Văn Tú		BSCKI	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
39		Nguyễn Sỹ Hải		BSCKI	Răng - Hàm - Mặt	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
40		Văn Thị Kim Dung		BSCKI	Mắt	Bệnh viện Đa khoa 115 Nghệ An
41		Đặng Anh Tuấn		BSCKI	Lao	Bệnh viện Phổi Nghệ An
42		Nguyễn Thị Minh Hạnh		BSCKII	Da liễu	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA

43		Hồ Ngọc Thái		BSCKI	Ngoại	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu NA
44		Trần Đức Sâm		BSCKI	Nhi	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu NA
45		Nguyễn Văn Hải		BSCKI	Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu NA
46		Nguyễn Khắc Tường		BSCKI	Y học cổ truyền	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu NA
47		Nguyễn Quỳnh Anh		BSCKI	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
48		Nguyễn Văn Ngọc		BSCKI	Gây mê hồi sức	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
49		Lê Thanh Sơn		BSCKI	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
50		Trần Xuân Hưng		Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
51		Nguyễn Thành Chung		BSCKI	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
52		Lê Văn Dũng		BSCKI	Gây mê hồi sức	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
53		Lê Thị Hương Trâm		BSCKI	Nội tim mạch	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
54		Nguyễn Hoàng Dương		Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
55		Hồ Thái Phúc		BSCKI	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
56		Bùi Tiến Hoàn		Thạc sĩ	Truyền nhiễm	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
5.3 Ngành Kỹ thuật xét nghiệm						
1		Trần Thị Tuyết		BSCKI	Y tế công cộng	Bệnh viện Tâm thần Nghệ An
2		Nguyễn Thị Minh Châu		BSCKI	Y tế công cộng	Bệnh viện Tâm thần Nghệ An
3		Nguyễn Võ Dũng		Thạc sĩ	Sinh học	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
4		Nguyễn Tuấn		BSCKI	Nội khoa	Bệnh viện Nội tiết Nghệ An
5		Nguyễn Đức Toàn		BSCKII	Quản lý y tế	Bệnh viện Tâm thần Nghệ An
6		Phạm Hồng Thái		Thạc sĩ	Hóa sinh	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
7		Cù Nam Thắng		Thạc sĩ	Huyết học - truyền máu	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
8		Lê Thị Kim Dung		BSCKI	Huyết học - truyền máu	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
5.4 Ngành Y học dự phòng						
1		Phan Bá Thu		BSCKI	Nhi khoa	Bệnh viện Tâm thần Nghệ An
2		Trần Nhật Tân		BSCKI	Nội khoa	Bệnh viện Tâm thần Nghệ An

3		Nguyễn Cảnh Hùng		BSCKII	Nội khoa	Bệnh viện Tâm thần Nghệ An
4		Trần Bá Biên		BSCKII	Nội khoa	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa NA
5		Nguyễn Kim Đông		BSCKI	Ngoại khoa	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình NA
Tổng: 159 giảng viên						

Người lập bảng

Họ tên: Cao Thị Thanh Lương

Chữ ký:

Lương

Điện thoại: 0983403494

Email: thanhluong@vnu.edu.vn

Nghệ An, ngày tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

Biểu 06: BCTS-GV

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG GIẢNG VIÊN HIỆN TẠI

Tên đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Giảng viên cơ hữu							Tổng cơ hữu	Giảng viên thỉnh giảng							Tổng thỉnh giảng
		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1	Đại học		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1	Đại học	
I	Tiến sỹ																
	Tổng																
II	Thạc sỹ																
1	Ngành YTCC	0	1	6	0	0	0	0	7	0	0	2	0	0	0	0	2
	Tổng	0	1	6	0	0	0	0	7	0	0	2	0	0	0	0	2
III.	Chuyên khoa cấp I																
1	Nội khoa	0	1	8	0	0	0	0	9	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhi khoa	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	1	0	5	0	0	6
3	Sản phụ khoa	0	0	1	0	2	0	0	3	0	0	0	0	1	0	0	1
4	Tai mũi họng	0	1	0	0	2	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	3
	Tổng	0	2	12	0	4	0	0	18	0	0	1	0	9	0	0	10
IV	Chuyên khoa cấp II																
	Tổng																
V	Bác sỹ nội trú																
	Tổng																
VI	Đại học																
1	Ngành Y khoa	0	4	24	66	21	14	0	129	1	0	3	38	21	15	0	78
2	Ngành Dược học	0	1	4	33	3	2	0	43	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Ngành Y học dự phòng	0	0	2	8	1	4	3	18	0	0	0	0	2	3	0	5

4	Ngành Điều dưỡng	0	1	4	35	0	12	5	57	0	0	0	16	5	35	0	56
5	Ngành XN Y học	0		2	11	3	2		18	0	0	0	3	1	4	0	8
	Tổng	0	6	36	153	28	34	8	265	1	0	3	57	29	57	0	147

Nghệ An, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng

Họ tên: Cao Thị Thanh Lương

Chữ ký:

Lương

Điện thoại: 0983403494

Email: thanhluong@vnu.edu.vn



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

BÁO CÁO SỞ CƠ SỞ THỰC HÀNH
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO NĂM 2024
(Theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ)

Tên đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP			Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
I	Tiến sĩ						
	Tổng						
II	Thạc sĩ						
1	Y tế công cộng	BV HNĐK Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			http://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
	Tổng	1					
III	Chuyên khoa cấp I						
3.1	Nội khoa						



1		BV HNĐK Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			
2		BV Đa khoa thành phố Vinh	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			
	Tổng	2					
3.2	Nhi khoa						
1		BV Sản Nhi Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			
	Tổng	1					
3.2	Sản phụ khoa						
1		BV HNĐK Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			

2		BV Sản Nhi Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			
	Tổng	2					
3.2 Tai mũi họng							
1		BV HNĐK Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			
2		BV Sản Nhi Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			
	Tổng	2					
IV Chuyên khoa cấp II							
	Tổng						
V Bác sĩ nội trú							
	Tổng						
VI Đại học							
1		BV HNĐK Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			



2		BV Sản Nhi Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			
3		BV Đa khoa thành phố Vinh	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe			
4					Bệnh viện YHCT Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
5					Bệnh viện Da liệu Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
6					Bệnh viện CTCH Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
7					TT Huyết học truyền máu Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
8					Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe

9					BVĐK Thanh Chương	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/ong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
10					Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/ong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
11					TTYT Huyện Nam Đàn		https://yte.nghean.gov.vn/ong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
12					TTYT Hoàng Mai	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/ong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
13					Bệnh viện Mắt Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/ong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
14					Bệnh viện Phổi Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/ong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
15					BV Tâm thần Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/ong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
16					BV Nội tiết Nghệ An	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/ong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
17					BVĐK Đô Lương	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/ong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe

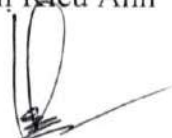
18					BVĐK Quỳnh Lưu	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
19					BVĐK Nghi Lộc	Đã công bố	https://yte.nghean.gov.vn/cong-bo-co-so-dap-ung-yeu-cau-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-nghe
	Tổng	19					
	Tổng chung	27					

Nghệ An, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:



Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vmu.edu.vn



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

Biểu 08: BCTS-QT

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH LÀO/CAMPUCHIA NĂM 2023-2024

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Nước/Trình độ, chuyên ngành	Năm 2023				Năm 2024	
		Quy mô (31/12/2023)	Số tốt nghiệp	Số chỉ tiêu	Số nhập học	Số tốt nghiệp	Số chỉ tiêu
I	Đại học						
1	Y khoa	36	8	Theo đề án của Tỉnh Nghệ An	11		Theo đề án của Tỉnh Nghệ An
2	Y học dự phòng	33	4		1		
4	Điều dưỡng	11	6		1		
5	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	18	3		2		
6	Dược học	37	5		13		
	Tổng	135	26		28		
II	Thạc sĩ						
	Tổng						
III	Tiến sĩ						
	Tổng						
IV	Chuyên khoa cấp I						
	Tổng						
V	Chuyên khoa cấp II						
	Tổng						

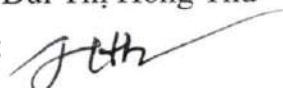
VI	Bác sĩ nội trú						
	Tổng						

Nghệ An, ngày 18 tháng 05 năm 2024

Người lập bảng

Họ tên: Bùi Thị Hồng Thu

Chữ ký:



Điện thoại: 0918639686

Email: hongthu@vnu.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Tuấn

BÁO CÁO CƠ SỞ THỰC HÀNH CHÍNH ĐẠT YÊU CẦU THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2, ĐIỀU 10
(Theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ)

Tên đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	CÁC HỒ SƠ VÀ NỘI DUNG YÊU CẦU
1	Khung chương trình đào tạo
2	Khung chương trình đào tạo thực hành lâm sàng
3	Bản chi tiết công bố của cơ sở thực hành là cơ sở khám bệnh (trích phần công bố đạt yêu cầu đào tạo ngành/chuyên ngành CKI, CKII, BSNT mà cơ sở giáo dục xác định chỉ tiêu)
4	Bản hợp đồng nguyên tắc theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP
5	Bản hợp đồng chi tiết

Người lập bảng
Họ tên: Trần Thị Kiều Anh
Chữ ký: 
Điện thoại: 0912584133
Email: kieuanh@vmu.edu.vn

Nghệ An, ngày 18 tháng 3 năm 2024


HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CKI CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

Thời gian đào tạo: 02 năm tập trung liên tục

TT	Môn học	Số tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
1	Các môn chung	10	9	1
2	Các môn cơ sở và hỗ trợ	10	6	4
3	Các môn chuyên ngành	70	20	50
4	Tốt nghiệp	10		10
	Tổng số	100	35	65

Các môn học/học phần chia theo tín chỉ

TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
I	Các môn chung	10	9	1
1	Triết học (C1.1)	4	4	
2	Ngôn ngữ (C1.2)	4	4	
3	Tin học (C1.3)	2	1	1
II	Các môn cơ sở và hỗ trợ	10	6	4
4	Hóa sinh lâm sàng (H2.1)	2	2	
5	Miễn dịch (H2.2)	2	2	
6	LT Truyền nhiễm (H2.3a)	2	2	
7	LS Truyền nhiễm (H2.3b)	4		4
III	Các môn chuyên ngành	70	20	50
	<i>Phần bắt buộc</i>	<i>60</i>	<i>16</i>	<i>44</i>
8	LT Hồi sức cấp cứu (3A.1a)	2	2	
9	LS Hồi sức cấp cứu (3A.1b)	4		4
10	LT Tim mạch - Cơ xương khớp (3A.2a)	4	4	
11	LS Tim mạch - Cơ xương khớp (3A.2a)	12		12

12	LT Hô hấp - Tiêu hóa (3A.3a)	4	4	
13	LS Hô hấp - Tiêu hóa (3A.3b)	12		12
14	LT Thận - Nội tiết (3A.4a)	4	4	
15	LS Thận - Nội tiết (3A.4b)	12		12
16	LT Huyết học (3A.5a)	2	2	
17	LS Huyết học (3A.5b)	4		4
	Phần tự chọn	10	4	6
18	LT Thần kinh (3B.1a)	2	2	
19	LS Thần kinh (3B.1b)	4		4
20	LT Tâm thần học (3B.2a)	2	2	
21	LS Tâm thần học (3B.2b)	4		4
22	Dược lâm sàng (3B.3)	4	2	2
23	Siêu âm tổng quát (3B.4)	4	2	2
24	Điện tâm đồ cơ bản (3B.5)	4	2	2
IV	Tốt nghiệp	10		10
	Tổng số	100	35	65

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:

Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vnu.edu.vn



Nguyễn Văn Tuấn

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG CKI CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ
II.	Các môn cơ sở và hỗ trợ	4
1.	LS Truyền nhiễm (H2.3b)	4
III.	Các môn chuyên ngành	48
	<i>Phần bắt buộc</i>	44
2.	LS Hồi sức cấp cứu (3A.1b)	4
3.	LS Tim mạch - Cơ xương khớp (3A.2a)	12
4.	LS Hô hấp - Tiêu hóa (3A.3b)	12
5.	LS Thận - Nội tiết (3A.4b)	12
6.	LS Huyết học (3A.5b)	4
	<i>Phần tự chọn</i>	4
7.	LS Thần kinh (3B.1b)	4
8.	LS Tâm thần học (3B.2b)	4
	Tổng số	52

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:

Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vnu.edu.vn



Nguyễn Văn Tuấn

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP I CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

Thời gian đào tạo: 02 năm tập trung liên tục

TT	Môn học	Số tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
1	Các môn chung	07	06	01
2	Các môn cơ sở và hỗ trợ	07	04	03
3	Các môn chuyên ngành	50	18	32
4	Tốt nghiệp	06	02	04
	Tổng số	70	30	40

Các môn học/học phần chia theo tín chỉ

TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
I	Các môn chung	7	6	1
1	Triết học (1A.1)	2	2	0
2	Ngôn ngữ chuyên ngành (1A.2)	2	2	0
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học (1A.3)	3	2	1
II	Các môn cơ sở và hỗ trợ	7	4	3
	<i>Phần bắt buộc</i>	5	3	2
4	Sinh lý bệnh (2A.1)	2	1	1
5	Dinh dưỡng nhi khoa (2A.2)	3	2	1
	<i>Phần tự chọn</i>	2	1	1
6	Dược lâm sàng (2B.1)	2	1	1
6	Phương pháp dạy học lâm sàng (2B.2)	2	1	1
III	Các môn chuyên ngành	50	18	32
	<i>Phần bắt buộc</i>	44	16	28
7	Cấp cứu nhi khoa (3A.1)	7	3	4
8	Hô hấp (3A.2)	7	2	5

9	Tim mạch - Thận - Tiết niệu (3A.3)	7	2	5
10	Sơ sinh (3A.4)	7	3	4
11	Nội tiết - Di truyền (3A.5)	5	2	3
12	Tiêu hóa - Huyết học (3A.6)	7	2	5
13	Thần kinh - Tâm bệnh (3A.7)	4	2	2
	Phần tự chọn	6	2	4
14	Bệnh truyền nhiễm (3B.1)	6	2	4
14	Ngoại nhi (3B.2)	6	2	4
IV	Tốt nghiệp	6	2	4
	Tổng số	70	30	40

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:



Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vnu.edu.vn

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Văn Tuấn

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG
CHUYÊN KHOA CẤP I CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA**

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ
	Các môn chuyên ngành	
	<i>Phần bắt buộc</i>	28
1	Cấp cứu nhi khoa (3A.1)	4
2	Hô hấp (3A.2)	5
3	Tim mạch - Thận - Tiết niệu (3A.3)	5
4	Sơ sinh (3A.4)	4
5	Nội tiết - Di truyền (3A.5)	3
6	Tiêu hóa - Huyết học (3A.6)	5
7	Thần kinh - Tâm bệnh (3A.7)	2
	<i>Phần tự chọn</i>	4
8	Bệnh truyền nhiễm (3B.1)	4
8	Ngoại nhi (3B.2)	4
	Tổng số	32

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:

Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vmu.edu.vn



Nguyễn Văn Tuấn

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA CẤP I CHUYÊN NGÀNH SẢN KHOA**

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

Thời gian đào tạo: 02 năm tập trung liên tục

TT	Môn học	Số tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
1	Các môn chung	07	06	01
2	Các môn cơ sở và hỗ trợ	13	05	08
3	Các môn chuyên ngành	44	16	28
4	Tốt nghiệp	06	02	04
	Tổng số	70	29	41

Các môn học/học phần chia theo tín chỉ

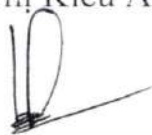
TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
I	Các môn chung	7	6	1
1	Triết học (1A.1)	2	2	0
2	Ngoại ngữ chuyên ngành (1A.2)	2	2	0
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học (1A.3)	3	2	1
II	Các môn cơ sở và hỗ trợ	13	5	8
	<i>Phần bắt buộc</i>	<i>11</i>	<i>4</i>	<i>7</i>
4	Giải phẫu học (2A.1)	2	1	1
5	Chẩn đoán hình ảnh (2A.2)	3	1	2
6	Ngoại tổng quát (2A.3)	3	1	2
7	Gây mê hồi sức (2A.4)	3	1	2
	<i>Phần tự chọn</i>	<i>2</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
8	Dược lâm sàng (2B.1)	2	1	1
8	Phương pháp dạy học lâm sàng (2B.2)	2	1	1
III	Các môn chuyên ngành	44	16	28
	<i>Phần bắt buộc</i>	<i>38</i>	<i>14</i>	<i>24</i>

9	Sản khoa cơ sở (3A.1)	8	2	6
10	Sản khó (3A.2)	8	2	6
11	Sản bệnh lý (3A.3)	6	2	4
12	Phụ khoa tổng quát (3A.4)	4	2	2
13	Phụ khoa nội tiết (3A.5)	4	2	2
14	Kế hoạch hóa gia đình (3A.6)	4	2	2
15	Sơ sinh cơ bản và sàng lọc sơ sinh (3A.7)	4	2	2
	Phần tự chọn	6	2	4
16	Hỗ trợ sinh sản (3B.1)	6	2	4
16	Thăm dò trong sản phụ khoa (3B.2)	6	2	4
IV	Tốt nghiệp	6	2	4
	Tổng số	70	29	41

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:



Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vnu.edu.vn

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Tuấn

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG CHUYÊN KHOA CẤP I CHUYÊN NGÀNH SẢN KHOA

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ
	Các môn chuyên ngành	
	<i>Phần bắt buộc</i>	24
1	Sản khoa cơ sở (3A.1)	6
2	Sản khó (3A.2)	6
3	Sản bệnh lý (3A.3)	4
4	Phụ khoa tổng quát (3A.4)	2
5	Phụ khoa nội tiết (3A.5)	2
6	Kế hoạch hóa gia đình (3A.6)	2
7	Sơ sinh cơ bản và sàng lọc sơ sinh (3A.7)	2
	<i>Phần tự chọn</i>	4
8	Hỗ trợ sinh sản (3B.1)	4
8	Thăm dò trong sản phụ khoa (3B.2)	4
	Tổng số	28

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:

Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vnu.edu.vn



Nguyễn Văn Tuấn

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA CẤP I CHUYÊN NGÀNH TAI MŨI HỌNG**

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

Thời gian đào tạo: 02 năm tập trung liên tục

TT	Môn học	Số tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
1	Các môn chung	07	06	01
2	Các môn cơ sở và hỗ trợ	10	05	05
3	Các môn chuyên ngành	47	12	35
4	Tốt nghiệp	06	02	04
	Tổng số	70	25	45

Các môn học/học phần chia theo tín chỉ

TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
I	Các môn chung	7	6	1
1	Triết học (1A.1)	2	2	0
2	Ngôn ngữ chuyên ngành (1A.2)	2	2	0
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học (1A.3)	3	2	1
II	Các môn cơ sở và hỗ trợ	10	5	5
	<i>Phần bắt buộc</i>	8	4	4
4	Giải phẫu tai mũi họng (2A.1)	2	2	0
5	Thần kinh (2A.2)	3	1	2
6	Răng hàm mặt (2A.3)	3	1	2
	<i>Phần tự chọn</i>	2	1	1
7	Dược lâm sàng (2B.1)	2	1	1
7	Phương pháp dạy học lâm sàng (2B.2)	2	1	1
III	Các môn chuyên ngành	47	12	35
	<i>Phần bắt buộc</i>	41	10	31
8	Nội soi tai mũi họng (3A.1)	8	2	6

9	Bệnh học mũi xoang (3A.2)	8	2	6
10	Bệnh học tai - thính học (3A.3)	9	2	7
11	Bệnh học đầu cổ & ung thư TMH (3A.4)	8	2	6
12	Bệnh học chấn thương - cấp cứu TMH (3A.5)	8	2	6
	Phần tự chọn	6	2	4
13	Bệnh học tai mũi họng nhi (3B.1)	6	2	4
13	Thính - thanh học (3B.2)	6	2	4
13	Phẫu thuật nội soi chức năng mũi xoang cơ bản (3B.3)	6	2	4
13	Phẫu thuật tai cơ bản (3B.4)	6	2	4
IV	Tốt nghiệp	6	2	4
	Tổng số	70	25	45

Vinh, ngày 48 tháng 3 năm 2023

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:



Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vmu.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Tuấn

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG CHUYÊN KHOA CẤP I CHUYÊN NGÀNH TAI MŨI HỌNG

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ
	Các môn chuyên ngành	
	<i>Phần bắt buộc</i>	31
1	Nội soi tai mũi họng (3A.1)	6
2	Bệnh học mũi xoang (3A.2)	6
3	Bệnh học tai - thính học (3A.3)	7
4	Bệnh học đầu cổ & ung thư TMH (3A.4)	6
5	Bệnh học chấn thương - cấp cứu TMH (3A.5)	6
	<i>Phần tự chọn</i>	4
6	Bệnh học tai mũi họng nhi (3B.1)	4
6	Thính - thanh học (3B.2)	4
6	Phẫu thuật nội soi chức năng mũi xoang cơ bản (3B.3)	4
6	Phẫu thuật tai cơ bản (3B.4)	4
	Tổng số	35

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:

Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vnu.edu.vn



Nguyễn Văn Tuấn

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

Thời gian đào tạo: 02 năm tập trung liên tục

TT	Môn học	Số tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
1	Các môn chung	6	6	
2	Các môn cơ sở và hỗ trợ	8	6	2
3	Các môn chuyên ngành	34	26	8
4	Tốt nghiệp	12		12
	Tổng số	60	38	22

Các môn học/học phần chia theo tín chỉ

TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ		
		Tổng số	LT	TH
I	Các môn chung	6	6	
1	Triết học (872070101)	3	3	
2	Ngoại ngữ (872070102)	3	3	
II	Các môn cơ sở và hỗ trợ	8	6	2
3	Dịch tễ học cơ bản (872070103)	2	2	
4	Thống kê y học (872070104)	3	2	1
5	Phương pháp NCKH (872070105)	3	2	1
III	Các môn chuyên ngành	34	27	7
	<i>Phần bắt buộc</i>	<i>22</i>	<i>17</i>	<i>5</i>
6	Sức khỏe môi trường (872070106)	5	4	1
7	Quản lý y tế (872070107)	4	3	1
8	Giáo dục và nâng cao sức khỏe (872070108)	4	3	1

9	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm (872070109)	5	4	4
10	Kinh tế y tế (872070110)	4	3	1
	Phần tự chọn	12	9	3
11	Sức khỏe nghề nghiệp (872070111)	4	3	1
12	Dịch tễ học các bệnh lây và không lây (872070112)	4	3	1
13	Dịch tễ học nâng cao (872070113)	4	4	0
14	Dân số và phát triển (872070114)	4	3	1
15	Một sức khỏe (872070115)	4	3	1
16	Tiếp thị xã hội (872070116)	4	3	1
17	Phòng chống tai nạn thương tích (872070117)	4	3	1
18	Sức khỏe toàn cầu (872070118)	4	4	0
19	Nghiên cứu định tính (872070119)	4	3	1
20	Quản lý dự án (872070120)	4	3	1
IV	Tốt nghiệp	12		12
	Tổng số	60	38	22

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Kiều Anh

Chữ ký:



Điện thoại: 0912584133

Email: kieuanh@vmu.edu.vn



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

UBND TỈNH NGHỆ AN

SỞ Y TẾ

Số: 3933/TB-SYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 01 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc công bố Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, lần 2

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An tại bản công bố số 1552/BVSN-CĐT ngày 27 tháng 9 năm 2022 (Mã hồ sơ: 000.00.48.H41-220929-0003) và đối chiếu với các quy định tại Khoản 2 Điều 8, Điều 9 và Khoản 2 Điều 10 Nghị định 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: **BỆNH VIỆN SẢN NHI NGHỆ AN.**
2. Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0284/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế Nghệ An cấp ngày 28 tháng 12 năm 2015
3. Địa chỉ: Số 19, Đường Tôn Thất Tùng, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BSCKII. Tăng Xuân Hải
5. Điện thoại liên hệ: 02383.844.129 Email: bvsn@yte.nghean.gov.vn
6. Đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành:
 - 6.1. Sau đại học:
 - BS CKII chuyên ngành Sản Phụ khoa, Nhi - Tim mạch.
 - BS CKI Nhi khoa, BS CKI Ngoại Nhi, BS CKI Tai mũi họng Nhi, BS CKI Răng hàm mặt Nhi, BS CKI Mắt nhi, BS CKI GMHS Nhi.
 - 6.2. Đại học: Y khoa (cập nhật số lượng giảng viên, giường bệnh và số lượng người thực hành).

7. Tên môn thực hành, nội dung thực hành, số lượng người thực hành có thể nhận được công bố chi tiết trong hồ sơ đính kèm.

8. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

b) Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Phối hợp với cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

d) Xác nhận kết quả thực hành cho người học thực hành;

e) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng người tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An).

Sở Y tế Nghệ An trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế;
- Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Minh Tuệ

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN SẢN NHI
Số: 152/BVSN-CDT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 27 tháng 9 năm 2022

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe lần 2

Kính gửi: Sở Y tế Nghệ An

Tên cơ sở công bố: **BỆNH VIỆN SẢN NHI NGHỆ AN**
Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 0284/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế
Nghệ An cấp ngày 28/12/2015

Địa chỉ: Số 19, đường Tôn Thất Tùng, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BSCKII. Tăng Xuân Hải

Điện thoại liên hệ: 02383.844.129; Email: bvsn@yte.nghean.gov.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính
phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ
sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội
dung sau:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành:
 - 1.1. Sau đại học:
 - BS CKII chuyên ngành Sản Phụ khoa, Nhi - Tim mạch.
 - BS CKI Nhi khoa, BS CKI Ngoại Nhi, BS CKI Tai mũi họng Nhi, BS CKI
Răng hàm mặt Nhi, BS CKI Mắt Nhi, BS CKI GMHS Nhi.
 - 1.2. Đại học: Y khoa. (Danh mục kèm theo Phụ lục 1)
2. Trình độ đào tạo thực hành (Danh mục kèm theo Phụ lục 1)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ) (Danh
mục kèm theo Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Danh mục kèm theo
Phụ lục 2)
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế
răng tại mỗi khoa phòng (Danh mục kèm theo Phụ lục 1)
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Danh
mục kèm theo Phụ lục 3)

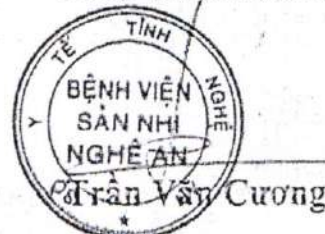
Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CDT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Số: 19.80./BV HNĐKNA

Nghệ An, ngày 23 tháng 11 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Nghệ An

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 0188/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế, cấp ngày 18/5/2015.

Địa chỉ: Km 05 – Đại lộ Lê Nin – Xã Nghi Phú – Thành phố Vinh - Nghệ An

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS. TS Nguyễn Văn Hương

Điện thoại liên hệ: 0903 222 929. Email (nếu có):

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành (Phụ lục 1).
2. Trình độ đào tạo thực hành (Phụ lục 1).
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ) (Phụ lục 1).
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Phụ lục 2)
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng (Phụ lục 1).
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ lục 3).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (nếu có)

1. Danh mục kèm theo phụ lục 1
2. Danh mục kèm theo phụ lục 2
3. Danh mục kèm theo phụ lục 3
4. Các văn bằng chứng chỉ liên quan.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc (để bc);
- Lưu: VT, ĐT-CĐT.



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. NGUYỄN VĂN HƯƠNG

PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

I. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/g hệ răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		CKI	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa	Khoa Ngoại tiêu hóa	3	15	8	24	0	15
						Khoa Ngoại thận - tiết niệu	1	5	5	15	0	5
						Khoa Phẫu thuật Thần kinh cột sống	2	10	8	24	0	10
						Khoa Ngoại Tim mạch lồng ngực	1	5	5	15	0	5
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	2	10	10	30	0	10
						Khoa Ngoại Tổng hợp 2	1	5	5	15	0	5
2		CKI	Nội khoa	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Khoa Nội tiêu hóa	2	10	4	12	0	10
						Khoa Dị ứng hô hấp	1	5	5	15	0	5
						Khoa Thần kinh	1	5	3	9	0	5
						Trung tâm tim mạch	2	10	5	15	0	10
						Khoa Huyết học lâm sàng	1	5	5	15	0	5
						Khoa Bệnh nhiệt đới	1	5	3	9	0	5
						Khoa Hồi sức tích cực chống độc	1	5	5	15	0	5
						Khoa Nội thận-tiết niệu-lọc máu	1	5	4	12	0	5

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/g hế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3		CKI	Sân khoa	Sân khoa	Thực hành khám chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa sản	4	20	13	39	0	20
						Khoa Ngoại tiêu hóa	1	5	3	9	0	5
						Khoa Thăm dò chức năng	1	5	0	0	0	5
4		CKI	Tai mũi họng	Tai mũi họng	Thực hành khám chữa bệnh tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	2	10	5	15	0	10
Tổng cộng							28	140	96	288	0	140

UBND TỈNH NGHỆ AN

SỞ Y TẾ

Số: 1652 /TB-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 01 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc công bố Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (bổ sung lần 3)

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh tại Bản công bố số 942/BVTP-ĐT&CĐT ngày 10 tháng 5 năm 2023 (Mã hồ sơ: 000.00.48.H41-230518-0006) và đối chiếu với các quy định tại Khoản 2 Điều 8, Điều 9 và Khoản 2 Điều 10 Nghị định 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ VINH.**

2. Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0094/NA-GPHĐ do Sở Y tế Nghệ An cấp ngày 19 tháng 9 năm 2017.

3. Địa chỉ:

Cơ sở 1: Số 178 – Đường Trần Phú – Phường Hồng Sơn - Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An.

Cơ sở 2: Số 31 – Đường Lê Ninh – Phường Quán Bàu – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An.

4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BSCKII. Nguyễn Hồng Trường

5. Điện thoại liên hệ: 096 555 5789 Email: bstuongbvtp@gmail.com

6. Đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành:

6.1. Đại học: Y khoa/Y đa khoa (cập nhật/điều chỉnh lại số lượng giảng viên, giường bệnh và số lượng người thực hành lại bản công bố lần 1 năm 2019, lần 2 năm 2022).

6.2. Sau đại học:

- Bác sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành Ngoại khoa, Nội khoa.

7. Tên môn thực hành, nội dung thực hành, số lượng người thực hành có thể nhận được công bố chi tiết trong hồ sơ đính kèm.

8. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

b) Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Phối hợp với cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

d) Xác nhận kết quả thực hành cho người học thực hành;

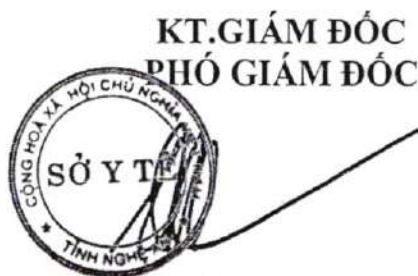
e) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng người tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh).

Sở Y tế Nghệ An trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế;
- Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.



Trần Minh Tuệ

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe
(Bổ sung lần 2)**

Kính gửi: Sở Y tế Nghệ An.

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh.
Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 0094, do Sở Y tế Nghệ An cấp
ngày 19/9/2017.

Địa chỉ: Số 178 – Đường Trần Phú – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS. BSCKII. Nguyễn Hồng Trường.

Điện thoại liên hệ: 096 555 5789; Email: bstruongbvtp@gmail.com.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh đã công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe tại công văn số 563/BVĐK ngày 28/5/2019 và công bố bổ sung lần 1 tại công văn số 1160/BVTP-ĐT&CĐT ngày 21/7/2022 để tổ chức hướng dẫn thực hành theo các quy định hiện hành.

Hiện tại năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất của Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh có thể đáp ứng cơ sở thực hành thêm ở một số chuyên ngành, vì vậy Bệnh viện bổ sung, cập nhật thêm thông tin vào Bản công bố lần 1 ngày 28/5/2019 và Bản công bố lần 2 ngày 21/7/2022 (bổ sung lần 1) với các nội dung như sau:

1. Ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Sau đại học (*Bác sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành: Nội khoa, Ngoại khoa*).
2. Trình độ đào tạo thực hành: Sau đại học (*Chuyên khoa I*).
3. Số lượng người đào tạo thực hành bác sĩ chuyên khoa tối đa: BS CKI Nội khoa: 40; BS CKI Ngoại khoa: 30 (*Phụ lục 1 kèm theo*).

4. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh/ghế răng: Số lượng giường bệnh phân bổ cho người thực hành: Nội khoa: 307; Ngoại khoa: 130 (*Phụ lục 1 kèm theo*).

5. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: BSCKI Nội khoa: 8; BSCKI Ngoại khoa: 6 (*Phụ lục 2 kèm theo*).

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (*Phụ lục 3 kèm theo*).

7. Cập nhật lại phụ lục 1,2 của Bản công bố lần 1 (28/5/2019): Thay đổi người tham gia giảng dạy và số lượng tiếp nhận tối đa tại 1 thời điểm (*mục II, phụ lục 1,2 kèm theo Bản công bố này*).

Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Bệnh viện kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin Bản công bố bổ sung theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, DT&CDT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Trường

Số: 781/HĐTH-ĐHYKV.ĐT

Vinh, ngày 05 tháng 8 năm 2022

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14/05/2005, có hiệu lực ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

- Căn cứ giấy ủy quyền số 47 ngày 10/1/2017 về việc Hiệu trưởng ủy quyền cho Phó hiệu trưởng ký kết hợp đồng;

- Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-ĐHYKV ngày 30/12/2021 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản của Hiệu trưởng Trường ĐHYK Vinh;

Hôm nay, ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trường Đại học Y khoa Vinh, chúng tôi gồm:

Bên A: Trường Đại học Y khoa Vinh

- Địa chỉ: Số 161, Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 02383-848852
- Đại diện: PGS.TS. Cao Trường Sinh
- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Tài khoản: 3714.0.1069344 - Kho bạc nhà nước tỉnh Nghệ An

Bên B: Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An

- Địa chỉ: Km5, Đại lộ Lê nin, Nghi Phú, thành phố Vinh, Nghệ An.
- Điện thoại: 02383.579.126
- Đại diện: PGS.TS. Nguyễn Văn Hương
- Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện.
- Tài khoản: 3713.0.1068857 - Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng thực hành:

a) Trình độ chuyên khoa cấp I: BSCKI chuyên ngành Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Tai mũi họng.

b) Trình độ đại học các ngành:

- Y khoa: từ năm thứ 3 đến năm thứ 6



- Y học dự phòng: từ năm thứ 3 đến năm thứ 6
- Cử nhân Điều dưỡng: năm thứ 3 và năm thứ 4
- Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học: năm thứ 3 và năm thứ 4
- Dược học: từ năm thứ 3 đến năm thứ 5.

c) Đào tạo liên tục theo văn bản hợp nhất 01/VBHN-BYT ngày 13/01/2021 của Bộ Y tế về Hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế;

2. Số lượng người thực hành: số lượng học viên, sinh viên thực hành tại bệnh viện ở 1 thời điểm tại các khoa từ 15-30 Sinh viên/khoa.

3. Người hướng dẫn thực hành: Đảm bảo theo đúng như Điều 8, Chương 3 của Nghị định 111/2017/NĐ-CP.

a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: *(có phụ lục kèm theo)*.

- Số lượng: (danh sách thống kê theo năm học có quyết định cử tham gia của bệnh viện và Quyết định thỉnh giảng của Trường Đại học Y khoa Vinh).

- Trình độ chuyên môn tương ứng với chuyên ngành giảng dạy.

b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: *(có phụ lục kèm theo)*.

- Số lượng: Theo chuyên ngành và nhu cầu học của sinh viên, do bộ môn phối hợp quản lý và hướng dẫn thực hành. Đã được bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế, trừ trường hợp người giảng dạy thực hành đã có chứng chỉ phương pháp dạy - học mà trong chương trình đào tạo đã có nội dung về phương pháp dạy - học lâm sàng.

- Trình độ chuyên môn tương ứng với chuyên ngành giảng dạy.

4. Nội dung chuyên môn thực hành:

Các học phần chuyên môn thực hành lâm sàng phù hợp với các khoa chuyên môn của Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa tỉnh Nghệ An dành cho các đối tượng *(có phụ lục chi tiết kèm theo)*:

- Trình độ chuyên khoa cấp I:

- + BSCKI chuyên ngành Nội khoa,

- + BSCKI chuyên ngành Ngoại khoa,... (Phụ lục 1)

- Trình độ đại học:

- + Y khoa (Phụ lục 2)

- + Y học dự phòng (Phụ lục 3)

- + Cử nhân Điều dưỡng (Phụ lục 4)

- + Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (Phụ lục 5)

- + Dược học (Phụ lục 6)

5. Thời gian thực hành:

- Khung giờ học lâm sàng tại Bệnh viện:

- + *Lâm sàng hàng ngày*: từ 7h30ph - 11h30ph.
- + *Trực*: buổi tối từ 18h30ph - 7h30ph ngày hôm sau.
- + *Đối với ngày cuối tuần, ngày lễ*: chia 2 ca ngày và đêm.
- + *Đối với lịch nghỉ Tết nguyên đán và lịch hè*: Sinh viên trực 2 em/ca trực/khoa, riêng một số khoa đặc biệt như Hồi sức Tích cực, Chống độc, Hồi sức Tích cực Ngoại khoa, Cấp cứu có thể 2- 4 sinh viên nếu có nhu cầu (*có ý kiến của lãnh đạo BGD BV và BGH nhà trường*).

6. Địa điểm thực hành: Các khoa lâm sàng tại của Bệnh viện (*có phụ lục kèm theo*).

7. Chi phí thực hành: Theo thỏa thuận giữa hai bên về chi trả tiền quản lý chung năm học; tiền quản lý khoa phòng; tiền giảng dạy thực hành tại bệnh viện.

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: theo từng khóa đào tạo, cụ thể theo năm học và thống kê của các bộ môn, Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển.

9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt: được gửi kèm theo Hợp đồng nguyên tắc.

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu khoản 2, Điều 10: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An:

- Bệnh viện hạng I, có đầy đủ các danh mục kỹ thuật đối với trình độ đào tạo sau đại học, trình độ đào tạo Y khoa, và các chuyên ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe của Trường Đại học Y khoa Vinh (đáp ứng tại khoản 2, Điều 10, Nghị định 111/NĐ-CP/2017).

- Bệnh viện đã tự công bố là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe ngày 23/11/2018, đã được Sở Y tế Nghệ An công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế.

Điều 2: Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán:

Định mức thanh toán: theo hợp đồng đào tạo hàng năm:

- Quản lý chung: 5.000.000VNĐ/năm
- Tiền giảng dạy lâm sàng: 25.000 VNĐ/1 tiết
- Tiền chấm thi lâm sàng: 200.000 VNĐ/ngày/ người

Danh sách giờ giảng, chấm thi lâm sàng được Bộ môn thống kê và Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển tổng hợp gửi về phòng Đào tạo hàng tháng, mỗi khoa không vượt quá 200 giờ/năm (*có phụ lục kèm theo*).

Thanh toán theo danh sách cán bộ giảng dạy do Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển và Bộ môn tổng hợp, với định mức theo qui định trong chi tiêu nội bộ.

2. Thời hạn thanh toán: sau khi Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng được ký kết.

3. Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản bệnh viện vào cuối năm học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Bên A có quyền:

a, Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c, Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với bên A. Chi trả chi phí thực hành cho các đối tượng, các nhân tham gia đầy đủ theo thỏa thuận với bên A (có bảng chi tiết kèm theo).

d, Các quyền khác (nếu có).

2. Bên A có nghĩa vụ:

a, Bảo đảm các điều khoản thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b, Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c, Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d, Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ, Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e, Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g, Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Bên B có quyền:

a, Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b, Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d, Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

a, Bảo đảm các điều khoản thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b, Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c, Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d, Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ, Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e, Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g, Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

- Hợp đồng này làm thành hai bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Hương

**ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Cao Trường Sinh

Số: 33 /HĐTH-ĐHYKV.ĐT

Vinh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14/05/2005, có hiệu lực ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

- Căn cứ giấy ủy quyền số 47 ngày 10/1/2017 về việc Hiệu trưởng ủy quyền cho Phó hiệu trưởng ký kết hợp đồng;

- Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-ĐHYKV ngày 30/12/2021 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản của Hiệu trưởng Trường ĐHYK Vinh;

Hôm nay, ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An, chúng tôi gồm:

Bên A: Trường Đại học Y khoa Vinh

- Địa chỉ: Số 161, Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 02383-848852
- Đại diện: PGS.TS. Cao Trường Sinh
- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Tài khoản: 3714.0.1069344 - Kho bạc nhà nước tỉnh Nghệ An

Bên B: Bệnh viện Sản nhi Nghệ An

- Địa chỉ: Số 19, Tôn Thất Tùng, Thành phố Vinh, Nghệ An.
- Điện thoại: 02383.844129
- Đại diện: Tăng Xuân Hải
- Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện.
- Tài khoản: 3714.0.1069241 - Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng thực hành:

- a) Trình độ chuyên khoa cấp I: BSCKI chuyên ngành Nhi khoa, Sản Phụ khoa
- b) Trình độ đại học các ngành:
- Y khoa: từ năm thứ 3 đến năm thứ 6

- Y học dự phòng: từ năm thứ 3 đến năm thứ 6
- Cử nhân Điều dưỡng: năm thứ 3 và năm thứ 4
- Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học: năm thứ 3 và năm thứ 4
- Dược học: từ năm thứ 3 đến năm thứ 5.

2. Số lượng người thực hành: số lượng học viên, sinh viên thực hành tại bệnh viện ở 1 thời điểm tại các khoa từ 15-30 Sinh viên/khoa.

3. Người hướng dẫn thực hành: Đảm bảo theo đúng như Điều 8, Chương 3 của Nghị định 111/2017/NĐ-CP.

a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: *(có phụ lục kèm theo)*.

- Số lượng: (danh sách thống kê theo năm học có quyết định cử tham gia của bệnh viện và Quyết định thỉnh giảng của Trường Đại học Y khoa Vinh).
- Trình độ chuyên môn tương ứng với chuyên ngành giảng dạy.

b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: *(có phụ lục kèm theo)*.

- Số lượng: Theo chuyên ngành và nhu cầu học của sinh viên, do bộ môn phối hợp quản lý và hướng dẫn thực hành. Đã được bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế, trừ trường hợp người giảng dạy thực hành đã có chứng chỉ phương pháp dạy - học mà trong chương trình đào tạo đã có nội dung về phương pháp dạy - học lâm sàng.
- Trình độ chuyên môn tương ứng với chuyên ngành giảng dạy.

4. Nội dung chuyên môn thực hành:

Các học phần chuyên môn thực hành lâm sàng phù hợp với các khoa chuyên môn của BV Sản nhi Nghệ An bao gồm (có phụ lục chi tiết kèm theo):

- Trình độ chuyên khoa cấp I:
- + BSCKI chuyên ngành BSCKI chuyên ngành Nhi khoa, Sản Phụ khoa (Phụ lục 1)
- Trình độ đại học:
- + Y khoa (Phụ lục 2); Y học dự phòng (Phụ lục 3); Cử nhân Điều dưỡng (Phụ lục 4); Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (Phụ lục 5); Dược học (Phụ lục 6)

5. Thời gian thực hành: từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2025.

- Khung giờ học lâm sàng tại Bệnh viện:
 - + *Lâm sàng hàng ngày:* từ 7h30ph - 11h30ph.
 - + *Trực:* buổi tối từ 18h30ph - 7h30ph ngày hôm sau.
 - + *Đối với ngày cuối tuần, ngày lễ:* chia 2 ca ngày và đêm.
 - + *Đối với lịch nghỉ Tết nguyên đán và lịch hè:* Sinh viên trực 2 em/ca trực/khoa, riêng một số khoa đặc biệt như Hồi sức Tích cực, Chống độc, Hồi sức Tích cực

Ngoại khoa, Cấp cứu có thể 2- 4 sinh viên nếu có nhu cầu (có ý kiến của lãnh đạo BGĐ BV và BGH nhà trường).

6. Địa điểm thực hành: Các khoa LS tại của Bệnh viện (có phụ lục kèm theo).

7. Chi phí thực hành: Theo thỏa thuận giữa hai bên về chi trả tiền quản lý chung năm học; tiền quản lý khoa phòng; tiền giảng dạy thực hành tại bệnh viện.

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: theo từng khóa đào tạo, cụ thể theo năm học và thống kê của các bộ môn, Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển.

9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt: được gửi kèm theo Hợp đồng nguyên tắc.

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu khoản 2, Điều 10: Bệnh viện Sản nhi Nghệ An:

- Bệnh viện hạng I, có đầy đủ các danh mục kỹ thuật đối với trình độ đào tạo sau đại học, trình độ đào tạo Y khoa, và các chuyên ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe của Trường Đại học Y khoa Vinh (đáp ứng tại khoản 2, Điều 10, Nghị định 111/NĐ-CP/2017).

- Bệnh viện đã tự công bố là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe ngày 4/12/2018, đã được Sở Y tế Nghệ An công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế.

Điều 2: Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

1. Phương thức thanh toán:

Định mức thanh toán: theo hợp đồng đào tạo hàng năm:

- Quản lý chung: 5.000.000VNĐ/năm
- Tiền giảng dạy lâm sàng: 25.000 VNĐ/1 tiết
- Tiền chấm thi lâm sàng: 200.000 VNĐ/ngày/ người

+ Đối với nhóm (tổ) > 15 SV: 200.000 VNĐ/người/ngày/2 tiết (Tính đối đa: 2 ngày/4 tiết)

+ Đối với nhóm (tổ) ≤ 15 SV: 200.000 VNĐ/người/ngày/2 tiết (Tính đối đa: 1 ngày/2 tiết).

Danh sách giờ giảng, chấm thi lâm sàng được Bộ môn thống kê và Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển tổng hợp gửi về phòng Đào tạo hàng tháng, mỗi khoa không vượt quá 200 giờ/năm.

Thanh toán theo danh sách cán bộ giảng dạy do Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển và Bộ môn tổng hợp, với định mức theo qui định trong chi tiêu nội bộ.

ĐẠI
HỌC
Y KHOA
VINH

2. Thời hạn thanh toán: sau khi Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng được ký kết.

3. Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản bệnh viện vào cuối năm học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Bên A có quyền:

a, Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b, Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d, Các quyền khác (nếu có).

2. Bên A có nghĩa vụ:

a, Cung cấp cho bên B thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tin chỉ.

b, Chi trả chi phí thực hành cho các đối tượng, các nhân tham gia đầy đủ theo thỏa thuận với bên B (có bảng chi tiết kèm theo).

c, Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.

d, Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Bên B có quyền:

a, Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c, Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với bên A. Chi trả chi phí thực hành cho các đối tượng, các nhân tham gia đầy đủ theo thỏa thuận với bên A (có bảng chi tiết kèm theo).

d, Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

a, Bảo đảm các điều khoản thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b, Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c, Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d, Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ, Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e, Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g, Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

- Hợp đồng này làm thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC *TH*



Tăng Xuân Hải

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cao Trường Sinh

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14/05/2005, có hiệu lực ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Căn cứ bản Thông báo số 3933/TB-SYT ngày 01/9/2022 về việc Công bố bệnh viện Sản nhi Nghệ An đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, lần 2, đã được Sở Y tế Nghệ An công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐHYKV ngày/...../..... về việc ban hành quy chế chi tiêu nội;

Hôm nay, ngày... tháng... năm 2023, tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An, chúng tôi gồm:

- Bên A: Trường Đại học Y khoa Vinh

Địa chỉ : 161, Nguyễn Phong Sắc, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại : 02383.848.854.

Fax : 0383.848854

Tài khoản : 5101.000.6306688 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An

Đại diện là : Ông: Nguyễn Văn Tuấn

Chức vụ : Hiệu trưởng

- Bên B: Bệnh viện Sản nhi Nghệ An

Địa chỉ : Số 19, Tôn Thất Tùng, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại : 02383.844129

Tài khoản : 51010008658899 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An

Đại diện là : Ông: Tăng Xuân Hải

Chức vụ : Giám đốc

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng thực hành:

a) Trình độ sau đại học: BSCKI chuyên ngành Sản phụ khoa, BSCKI Nhi khoa, Tai mũi họng (học phần Tai mũi họng Nhi).

b) Trình độ đại học các ngành:

- Y khoa
- Y học dự phòng
- Điều dưỡng
- Kỹ thuật Xét nghiệm y học
- Dược học

c) Đào tạo liên tục theo văn bản hợp nhất 01/VBHN-BYT ngày 13/01/2021 của Bộ Y tế về Hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế;

2. Số lượng người thực hành: số lượng học viên, sinh viên thực hành tại bệnh viện ở 1 thời điểm tại các khoa từ 15-30 Sinh viên/khoa.

3. Người hướng dẫn thực hành: Đảm bảo theo đúng như Điều 8, Chương 3 của Nghị định 111/2017/NĐ-CP.

a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: *(có phụ lục kèm theo)*.

- Số lượng: (danh sách thống kê theo năm học có quyết định cử tham gia của bệnh viện và Quyết định thỉnh giảng của Trường Đại học Y khoa Vinh).

- Trình độ chuyên môn tương ứng với chuyên ngành giảng dạy.

b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: *(có phụ lục kèm theo)*.

- Số lượng: Theo chuyên ngành và nhu cầu học của học viên, sinh viên; do bộ môn phối hợp quản lý và hướng dẫn thực hành. Đã được bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế, trừ trường hợp người giảng dạy thực hành đã có chứng chỉ phương pháp dạy - học mà trong chương trình đào tạo đã có nội dung về phương pháp dạy - học lâm sàng.

- Trình độ chuyên môn tương ứng với chuyên ngành giảng dạy.

4. Nội dung chuyên môn thực hành:

Các học phần chuyên môn thực hành lâm sàng phù hợp với các khoa chuyên môn của Bệnh viện Sản nhi Nghệ An dành cho các đối tượng (có phụ lục chi tiết kèm theo):

- Trình độ chuyên khoa cấp I: (Phụ lục 1)
 - + BS CKI chuyên ngành Sản phụ khoa
 - + BS CKI chuyên ngành Nhi khoa
- Trình độ đại học:
 - + Y khoa (Phụ lục 2)
 - + Y học dự phòng (Phụ lục 3)
 - + Cử nhân Điều dưỡng (Phụ lục 4)
 - + Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (Phụ lục 5)
 - + Dược học (Phụ lục 6)

5. Thời gian thực hành: từ ngày 05/09/2023 đến ngày 31/12/2028.

- Khung giờ học lâm sàng tại Bệnh viện:

+ *Lâm sàng hàng ngày:* từ 7h30ph - 11h30ph.

- + *Trực*: buổi tối từ 18h30ph - 7h30ph ngày hôm sau.
- + *Đối với ngày cuối tuần, ngày lễ*: chia 2 ca ngày và đêm.
- + *Đối với lịch nghỉ Tết nguyên đán và lịch hè*: Sinh viên trực 2 em/ca trực/khoa, riêng một số khoa đặc biệt như Hồi sức Tích cực, Chống độc, Hồi sức Tích cực Ngoại khoa, Cấp cứu có thể 2- 4 sinh viên nếu có nhu cầu (*có ý kiến của lãnh đạo BGD BV và BGH nhà trường*).

6. Địa điểm thực hành: Các khoa lâm sàng tại của Bệnh viện (*có phụ lục kèm theo*).

7. Chi phí thực hành: Theo thỏa thuận giữa hai bên về chi trả tiền quản lý chung năm học; tiền quản lý khoa phòng; tiền giảng dạy thực hành tại bệnh viện.

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: theo từng khóa đào tạo, cụ thể theo năm học và thống kê của các bộ môn, Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển.

9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt: được gửi kèm theo Hợp đồng nguyên tắc.

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu khoản 2, Điều 10: Bệnh viện Sản nhi Nghệ An:

- Bệnh viện hạng I, có đầy đủ các danh mục kỹ thuật đối với trình độ đào tạo sau đại học, trình độ đào tạo liên tục, trình độ đào tạo Y khoa, và các chuyên ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe của Trường Đại học Y khoa Vinh (đáp ứng tại khoản 2, Điều 10, Nghị định 111/NĐ-CP/2017.

- Bệnh viện đã tự công bố là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe ngày 01/9/2022, đã được Sở Y tế Nghệ An công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế.

Điều 2: Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán:

Định mức thanh toán: theo hợp đồng đào tạo hàng năm:

- **Quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung tại cơ sở thực hành:** Thanh toán với định mức: 5 giờ chuẩn/1 tuần có SV thực tập (1 giờ chuẩn = 50.000 VNĐ)

- **Quản lý dạy học tại các khoa:** Thanh toán với định mức: 0,5 tiết/1 tuần/khoa có SV thực tập (1 tiết = 50.000 VNĐ).

- **Giảng dạy lâm sàng:** Thanh toán với định mức 50.000 đ/giờ chuẩn giảng theo hợp đồng.

- **Chấm thi lâm sàng:** Thanh toán với định mức 50.000 đ/giờ chuẩn.

Danh sách giờ giảng, chấm thi lâm sàng được Bộ môn thống kê và Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển tổng hợp gửi về phòng Đào tạo hàng tháng, mỗi khoa không vượt quá 200 giờ/năm (*có phụ lục kèm theo*).

Thanh toán theo danh sách cán bộ giảng dạy do Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển và Bộ môn tổng hợp, với định mức theo qui định trong chi tiêu nội bộ.

2. Thời hạn thanh toán: sau khi Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng được ký kết.

3. Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản bệnh viện vào cuối năm học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Bên A có quyền:

a, Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b, Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d, Các quyền khác (nếu có).

2. Bên A có nghĩa vụ:

a, Cung cấp cho bên B thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.

b, Chi trả chi phí thực hành cho các đối tượng, các nhân tham gia đầy đủ theo thỏa thuận với bên B (có bảng chi tiết kèm theo).

c, Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.

d, Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Bên B có quyền:

a, Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c, Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với bên A. Chi trả chi phí thực hành cho các đối tượng, các nhân tham gia đầy đủ theo thỏa thuận với bên A (có bảng chi tiết kèm theo).

d, Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

a, Bảo đảm các điều khoản thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b, Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c, Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d, Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ, Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e, Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g, Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Cam kết chung

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản được ghi trong hợp đồng. Các vấn đề phát sinh sẽ được hai bên nghiên cứu, trao đổi, thống nhất và khi cần thiết sẽ ký các phụ lục bổ sung cho hợp đồng này để quy định cụ thể về nội dung công việc, kết quả, khối lượng, thời gian, kinh phí và thanh toán liên quan (nếu có). Trường hợp không giải quyết được thì phải đưa ra tòa án kinh tế (Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An) và 2 bên có trách nhiệm thi hành quyết định cuối cùng của tòa án. Bên thua phải chịu mọi án phí của tòa.

- Hợp đồng này làm thành hai bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Tăng Xuân Hải



UBND TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG ĐHYK VINH
Số: 434/HĐNT-ĐHYKV.ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Vinh, ngày 31 tháng 8 năm 2023

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14/05/2005, có hiệu lực ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Căn cứ bản công bố ngày 01/6/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh (lần 3) về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, đã được Sở Y tế Nghệ An công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế;
- Căn cứ Quyết định sốQĐ-ĐHYKV ngày/...../..... về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản của Hiệu trưởng Trường ĐHYK Vinh;
- Căn cứ giấy ủy quyền số 1280/GUQ-ĐHYKV ngày 18/8/2023 v/v Hiệu trưởng ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng ký kết hợp đồng;

Hôm nay, ngày 31/8/2023, tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh, chúng tôi gồm:

- Bên A: Trường Đại học Y khoa Vinh

Địa chỉ : 161, Nguyễn Phong Sắc, Thành phố Vinh, Nghệ An
Điện thoại : 02383.848.854.
Fax : 0383.848854
Tài khoản : 5101.000.6306688 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An
Đại diện là : Ông: Cao Trường Sinh
Chức vụ : Phó Hiệu trưởng

- Bên B: Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh.

Địa chỉ : Số 178, Trần Phú, Hồng Sơn, TP Vinh, Nghệ An.
Điện thoại : 02383.844.626
Fax : 02383.844.626 – Mã số thuế : 2900329055-006
Tài khoản : 114.000.171.557 – Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Vinh.
Đại diện là : Ông: Nguyễn Hồng Trường
Chức vụ : Giám đốc



Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng thực hành:

- a) Trình độ chuyên khoa cấp I: BSCKI chuyên ngành Nội khoa, Ngoại khoa.
- b) Đào tạo liên tục theo văn bản hợp nhất 01/VBHN-BYT ngày 13/01/2021 của Bộ Y tế về Hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế;

2. Số lượng người thực hành: số lượng học viên, sinh viên thực hành tại bệnh viện ở 1 thời điểm tại các khoa từ 15-30 Sinh viên/khoa.

3. Người hướng dẫn thực hành: Đảm bảo theo đúng như Điều 8, Chương 3 của Nghị định 111/2017/NĐ-CP.

a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: *(có phụ lục kèm theo)*.

- Số lượng: (danh sách thống kê theo năm học có quyết định cử tham gia của bệnh viện và Quyết định thỉnh giảng của Trường Đại học Y khoa Vinh).

- Trình độ chuyên môn tương ứng với chuyên ngành giảng dạy.

b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: *(có phụ lục kèm theo)*.

- Số lượng: Theo chuyên ngành và nhu cầu học của học viên, sinh viên; do bộ môn phối hợp quản lý và hướng dẫn thực hành. Đã được bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế, trừ trường hợp người giảng dạy thực hành đã có chứng chỉ phương pháp dạy - học mà trong chương trình đào tạo đã có nội dung về phương pháp dạy - học lâm sàng.

- Trình độ chuyên môn tương ứng với chuyên ngành giảng dạy.

4. Nội dung chuyên môn thực hành:

Các học phần chuyên môn thực hành lâm sàng phù hợp với các khoa chuyên môn của Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh dành cho các đối tượng (có phụ lục chi tiết kèm theo):

- Trình độ chuyên khoa cấp I: (Phụ lục 1)

+ BSCKI chuyên ngành Nội khoa,

+ BSCKI chuyên ngành Ngoại khoa.

5. Thời gian thực hành: từ ngày 05/9/2023 đến ngày 31/12/2028.

- Khung giờ học lâm sàng tại Bệnh viện:

+ *Lâm sàng hàng ngày:* từ 7h30ph - 11h30ph.

+ *Trực:* buổi tối từ 18h30ph - 7h30ph ngày hôm sau.

+ *Đối với ngày cuối tuần, ngày lễ:* chia 2 ca ngày và đêm.

+ *Đối với lịch nghỉ Tết nguyên đán và lịch hè:* Sinh viên trực 2 em/ca trực/khoa, riêng một số khoa đặc biệt như Hồi sức Tích cực, Chống độc, Hồi sức

Tích cực Ngoại khoa, Cấp cứu có thể 2- 4 sinh viên nếu có nhu cầu (có ý kiến của lãnh đạo BGĐ BV và BGH nhà trường).

6. Địa điểm thực hành: Các khoa lâm sàng tại của Bệnh viện (có phụ lục kèm theo).

7. Chi phí thực hành: Theo thỏa thuận giữa hai bên về chi trả tiền quản lý chung năm học; tiền quản lý khoa phòng; tiền giảng dạy thực hành tại bệnh viện.

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: theo từng khóa đào tạo, cụ thể theo năm học và thống kê của các bộ môn, Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển.

9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt: được gửi kèm theo Hợp đồng nguyên tắc.

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu khoản 2, Điều 10: Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh:

- Bệnh viện hạng II, có đầy đủ các danh mục kỹ thuật đối với trình độ đào tạo sau đại học, trình độ đào tạo Y khoa, và các chuyên ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe của Trường Đại học Y khoa Vinh (đáp ứng tại khoản 2, Điều 10, Nghị định 111/NĐ-CP/2017.

- Bệnh viện đã tự công bố là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe ngày 01/6/2023 (bổ sung lần 3), đã được Sở Y tế Nghệ An công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế.

Điều 2: Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán:

Định mức thanh toán: theo hợp đồng đào tạo hàng năm:

- **Quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung tại cơ sở thực hành:** Thanh toán với định mức: 3 giờ chuẩn/1 tuần có SV thực tập (1 giờ chuẩn = 50.000 VNĐ)

- **Quản lý dạy học tại các khoa:** Thanh toán với định mức: 0,5 tiết/1 tuần/khoa có SV thực tập (1 tiết = 50.000 VNĐ).

- **Giảng dạy lâm sàng:** Thanh toán với định mức 50.000 đ/giờ chuẩn giảng theo hợp đồng.

- **Chấm thi lâm sàng:** Thanh toán với định mức 50.000 đ/giờ chuẩn.

Danh sách giờ giảng, chấm thi lâm sàng được Bộ môn thống kê và Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển tổng hợp gửi về phòng Đào tạo hàng tháng, mỗi khoa không vượt quá 200 giờ/năm (có phụ lục kèm theo).

Thanh toán theo danh sách cán bộ giảng dạy do Trung tâm Đào tạo & Chỉ đạo tuyển và Bộ môn tổng hợp, với định mức theo qui định trong chi tiêu nội bộ.

2. Thời hạn thanh toán: sau khi Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng được ký kết.

3. Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản bệnh viện vào cuối năm học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của bên A

1. Bên A có quyền:

a, Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b, Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d, Các quyền khác (nếu có).

2. Bên A có nghĩa vụ:

a, Cung cấp cho bên B thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.

b, Chi trả chi phí thực hành cho các đối tượng, các nhân tham gia đầy đủ theo thỏa thuận với bên B (có bảng chi tiết kèm theo).

c, Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.

d, Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Bên B có quyền:

a, Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b, Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c, Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với bên A. Chi trả chi phí thực hành cho các đối tượng, các nhân tham gia đầy đủ theo thỏa thuận với bên A (có bảng chi tiết kèm theo).

d, Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

a, Bảo đảm các điều khoản thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b, Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c, Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d, Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ, Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e, Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g, Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Cam kết chung

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản được ghi trong hợp đồng. Các vấn đề phát sinh sẽ được hai bên nghiên cứu, trao đổi, thống nhất và khi cần thiết sẽ ký các phụ lục bổ sung cho hợp đồng này để quy định cụ thể về nội dung công việc, kết quả, khối lượng, thời gian, kinh phí và thanh toán liên quan (nếu có). Trường hợp không giải quyết được thì phải đưa ra tòa án kinh tế (Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An) và 2 bên có trách nhiệm thi hành quyết định cuối cùng của tòa án. Bên thua phải chịu mọi án phí của tòa.

- Hợp đồng này làm thành hai bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản./. *VL*

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
Cao Trường Sinh

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

[Signature]
Nguyễn Hồng Trường

NGHỆ AN

Phụ lục 1:
Nội dung chuyên môn thực hành CK I Nội chuyên ngành Nội khoa

TT	Môn học/Học phần	Khoa thực hành
1.	Truyền nhiễm	Trung tâm bệnh nhiệt đới
2.	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu, Khoa chống độc Khoa hồi sức tích cực nội khoa Khoa hồi sức tích cực ngoại khoa
3.	Tim mạch	Khoa tim mạch 1, Khoa tim mạch 2
4.	Hô hấp	Khoa hô hấp
5.	Tiêu hóa	Khoa Nội tiêu hóa
6.	Thận - Tiết niệu	Khoa nội thận
7.	Huyết học và truyền máu	Khoa Huyết học và truyền máu
8.	Nội tiết	Khoa Nội tiết
9.	Cơ xương khớp	Khoa Cơ xương khớp
10.	Thần kinh	Khoa thần kinh, Trung tâm đột quỵ
11.	Tâm thần học	Khoa Thần kinh
12.	Dược lâm sàng	Khoa Dược
13.	Siêu âm tổng quát	Khoa Thăm dò chức năng
14.	Điện tâm đồ cơ bản	Khoa Thần kinh

Nội dung chuyên môn thực hành CK I Ngoại chuyên ngành Ngoại khoa

TT	Môn học/Học phần	Khoa thực hành
1.	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa thăm dò chức năng Khoa X-quang
2.	Cấp cứu phụ sản	Khoa phụ sản
3.	Gây mê hồi sức	Khoa gây mê hồi sức
4.	Ngoại tổng quát	Khoa Ngoại tổng hợp
5.	Ngoại tiêu hóa	Khoa ngoại tiêu hóa
6.	Gan - mật - tụy	Khoa gan mật
7.	Chấn thương - Chỉnh hình	Khoa chấn thương chỉnh hình
8.	Ngoại thần kinh - Sọ não	Khoa Phẫu thuật thần kinh cột sống
9.	Tiết niệu	Khoa ngoại tiết niệu
10.	Ngoại tim mạch - lồng ngực - mạch máu	Phẫu thuật tim mạch lồng ngực

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

V/v Tổ chức cho học viên – sinh viên thực tập lâm sàng năm học 2023-2024

Số 04/HĐTH-YKV.ĐT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 91/2015/QH 13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/05/2005, có hiệu lực ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Thông tư số 44/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành quy định về chế độ thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục;
- Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Căn cứ QĐ số/QĐ-ĐHYKV ngày/...../..... v/v ban hành quy chế chi tiêu nội bộ.
- Căn cứ chương trình giáo dục và kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024 của Trường Đại học Y khoa Vinh.

Xét khả năng và điều kiện của mỗi bên.

Hôm nay, ngày/...../2023, Tại: Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa tỉnh Nghệ An.

Chúng tôi gồm:

- Bên A: Trường Đại học Y khoa Vinh

Địa chỉ : 161, Nguyễn Phong Sắc, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại : 02383.848.854.

Tài khoản : 5101.000.6306688 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An

Đại diện là : Ông: Nguyễn Văn Tuấn

Chức vụ : Hiệu trưởng

- Bên B: Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An

Địa chỉ : Km5, Đại lộ Lê nin, Nghi Phú, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại : 02383.579.126

Tài khoản : 3601201018100 – Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Nghệ An.

Đại diện là : Ông: Nguyễn Văn Hương

Chức vụ : Giám đốc

Sau khi thoả thuận, hai bên ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

Bên A thuê bên B tổ chức quản lý, hướng dẫn, giảng dạy, kiểm tra đánh giá lâm sàng cho học viên, sinh viên tại cơ sở thực hành theo kế hoạch hàng năm của trường Đại học Y khoa Vinh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng học:

- Đào tạo đại học: Y khoa, Y học dự phòng, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật Xét nghiệm y học.
- Đào tạo sau đại học: chuyên khoa 1 các ngành: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản khoa, Tai mũi họng.
- Học viên đào tạo liên tục.

2. Thời gian, số lượng và địa điểm học:

- Thời gian thực hiện: từ ngày 05/9/2023 đến ngày 30/08/2024.
- Số lượng: mỗi khoa 15-30 sinh viên/nhóm/tháng.
- Địa điểm học: Theo chuyên ngành tại các khoa chuyên môn (có kế hoạch cụ thể của Phòng Đào tạo).

3. Nội dung và phương pháp học:

- Nội dung: học viên, sinh viên thực hiện các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thăm khám, làm bệnh án, chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân theo đúng chỉ tiêu lâm sàng.
- Phương pháp học:
 - + Tổ chức giao ban, giảng dạy lâm sàng, sinh hoạt chuyên đề cho các đối tượng do bên A gửi đến tại giường bệnh.
 - + Giao ban chung và sinh hoạt khoa học.
 - + Thi lâm sàng kết thúc học phần tín chỉ.

Điều 2: Trách nhiệm của mỗi bên.

1. Trách nhiệm của bên A

- Phối hợp thống nhất nội dung từng học phần tín chỉ.
- Lập kế hoạch dạy học lâm sàng tại Bệnh viện. Gửi kế hoạch và danh sách học viên, sinh viên cho bên B trước ngày thực hiện ít nhất một tuần.
- Phối hợp bên B quản lý; tổ chức cho học viên, sinh viên học tập, nghiên cứu theo môn học, học phần.

- Phối hợp bên B tổ chức đánh giá kết quả học tập của học viên, sinh viên.
- Bảo đảm phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức của học viên, sinh viên đến thực tập tại bên B.
- Thanh toán kinh phí quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung, quản lý dạy học tại các khoa, giảng dạy lâm sàng và chấm thi lâm sàng.

2. Trách nhiệm của bên B

- Tiếp nhận, quản lý nhóm học viên, sinh viên trong thời gian thực tập tại cơ sở.
- Lên lịch dạy học cụ thể và phân công cán bộ giảng dạy lâm sàng tại các khoa.
- Bố trí cán bộ giảng dạy phù hợp với từng đối tượng theo quy định.
- Phối hợp với bên A tham gia chấm thi và đánh giá quá trình thực tập.
- Phối hợp giáo dục, giúp đỡ học viên, sinh viên trong thời gian thực tập.
- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, môi trường cho học viên, sinh viên thực tập lâm sàng tại các khoa, phòng của Bệnh viện.
- Sau khi Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng được ký kết, bên A chuyển tiền cho bên B. Bên B có trách nhiệm chi trả kinh phí quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung, quản lý dạy học tại các khoa, giảng dạy lâm sàng và chấm thi lâm sàng cho các tập thể và cá nhân trực tiếp tham gia (theo bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

- Bao gồm các nội dung được tạm tính như sau:

1. Quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung tại cơ sở thực hành:

Dự kiến: 5 tiết/1 tuần có SV thực tập, cụ thể: 5 tiết x 40 tuần = 200 tiết

2. Quản lý dạy học tại các khoa:

Dự kiến: 0,5 tiết/1 tuần/khoa có SV thực tập, cụ thể: 0,5 tiết x 40 tuần x 40 khoa = 800 tiết

3. Giảng dạy lâm sàng: Dự kiến: 3.000 tiết

4. Chấm thi lâm sàng: Dự kiến: 1.000 tiết

- **Tổng cộng: Thanh toán với định mức 1 tiết = 50.000 VNĐ, cụ thể:**

Cộng (1) + (2) + (3) + (4) = 200 + 800 + 3.000 + 1.000 = 5.000 tiết x 50.000 VNĐ = 250.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

- Bên A thanh toán hết cho bên B ngay sau khi Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng ký kết.
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

Điều 4: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản được ghi trong hợp đồng. Các vấn đề phát sinh sẽ được hai bên nghiên cứu, trao đổi, thống nhất và khi cần thiết sẽ ký các phụ lục bổ sung cho hợp đồng này để quy định cụ thể về nội dung công việc, kết quả, khối lượng, thời gian, kinh phí và thanh toán liên quan (nếu có). Trường hợp không giải quyết được thì phải đưa ra tòa án kinh tế (Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An) và 2 bên có trách nhiệm thi hành quyết định cuối cùng của tòa án. Bên thua phải chịu mọi án phí của tòa.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được làm thành 04 bản, có giá trị như nhau; bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.
- Hợp đồng hết hiệu lực kể từ khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng ./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hương





Phụ lục 1:

Nội dung chuyên môn thực hành CKI Sản phụ khoa

TT	Môn học/Học phần	Khoa thực hành
1.	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa thăm dò chức năng Khoa X-quang
2.	Ngoại tổng quát	Khoa Ngoại tổng hợp
3.	Gây mê hồi sức	Khoa Gây mê hồi sức
4.	Sản khoa cơ sở	Khoa phụ sản
5.	Sản khó	Khoa phụ sản
6.	Sản bệnh lý	Khoa phụ sản
7.	Phụ khoa	Khoa phụ sản
8.	Kế hoạch hóa gia đình	Khoa phụ sản
9.	Hồi sức sơ sinh	Khoa Nhi

Nội dung chuyên môn thực hành CKI nhi khoa

TT	Môn học/Học phần	Khoa thực hành
1.	Truyền nhiễm	Trung tâm bệnh nhiệt đới - BVĐK tỉnh Khoa truyền nhiễm - BV sản Nhi
2.	Dược lâm sàng	Khoa dược - BV Sản Nhi
3.	Sơ sinh	Khoa Sơ sinh
4.	Cấp cứu nhi khoa	Khoa Cấp cứu Khoa Hồi sức chống độc
5.	Hô hấp	Khoa Hô hấp
6.	Tim mạch - Tiết niệu	Khoa Tim mạch - Tiết niệu
7.	Nội tiết - Di truyền	Khoa Nội Tổng hợp
8.	Tiêu hóa - Huyết học	Khoa Tiêu hóa - Huyết học
9.	Thần kinh - Tâm bệnh	Khoa Thần kinh - Tâm bệnh
10.	Tai mũi họng Nhi	Khoa Tai mũi họng



Phụ lục 2:

Nội dung chuyên môn thực hành chuyên ngành Y khoa.

TT	Môn học/Học phần	Ghi chú
1	LS [*] Nội cơ sở 1	
2	LS Nội cơ sở 2	
3	LS Ngoại cơ sở 1	
4	LS Ngoại cơ sở 2	
5	LS Nội bệnh lý 1	
6	LS Ngoại bệnh lý 1	
7	LS Sản	
8	LS Nhi 1	
9	LS Nhi 2	
10	LS Gây mê hồi sức	
11	LS Chẩn đoán hình ảnh	
12	LS Y học cổ truyền	
13	Dược LS	
14	LS Nội bệnh lý 2	
15	LS Ngoại bệnh lý 2	
16	LS Thần kinh	
17	LS Ung thư	
18	LS Phục hồi chức năng	
19	LS Truyền nhiễm	
20	LS Mắt	
21	LS Răng hàm mặt	
22	LS Tai mũi họng	
23	LS Da liễu	
24	LS Lao	
25	LS Tâm thần	
26	LS Nội bệnh lý 3	
27	LS Ngoại bệnh lý 3	
28	LS Nội, ngoại bệnh lý	
29	LS Sản, nhi bệnh lý	



Phụ lục 3:

Nội dung chuyên môn thực hành chuyên ngành Y học dự phòng.

TT	Môn học/Học phần	Ghi chú
1	Thực tập Y học dự phòng I	
2	Thực tập Y học dự phòng II	
3	Thực tập Y học dự phòng III	
4	LS Nội cơ sở	
5	LS Ngoại cơ sở	
6	LS Ngoại bệnh lý	
7	LS Nội bệnh lý	
8	LS Sản	
9	LS Nhi khoa	
10	LS Thần kinh	
11	LS Ung thư	
12	LS Phục hồi chức năng	
13	LS Truyền nhiễm	
14	LS Mắt	
15	LS Răng hàm mặt	
16	LS Tai mũi họng	
17	LS Da liễu	
18	LS Lao	
19	LS Tâm thần	



Phụ lục 4:

Nội dung chuyên môn thực hành chuyên ngành Cử nhân Điều dưỡng.

TT	Môn học/Học phần	Ghi chú
1	LS Điều dưỡng cơ sở I	
2	LS Điều dưỡng cơ sở II	
3	LS CSSKNL có bệnh Nội khoa I	
4	LS CSSKNL có bệnh Ngoại khoa I	
5	LS Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng	
6	LS Chăm sóc sức khỏe trẻ em	
7	LS CSSKNL có bệnh Ngoại khoa II	
8	LS Y học cổ truyền	
9	LS CSSK người bệnh truyền nhiễm	
10	LS CSSKNL có bệnh Nội khoa 2	
11	LS CSNB cấp cứu & CS tích cực	
12	LS Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	
13	LS CS cho người cần được phục hồi chức năng	
14	LS Chăm sóc sức khỏe tâm thần	
15	LS CSSK các bệnh chuyên khoa Mắt	
16	LS CSSK các bệnh chuyên khoa RHM	
17	LS CSSK các bệnh chuyên khoa TMH	



Phụ lục 5:

Nội dung chuyên môn thực hành chuyên ngành Cử nhân Xét nghiệm.

TT	Môn học/Học phần	Ghi chú
1	LS Huyết học	
2	LS Hóa sinh	
3	LS Vi sinh	
4	LS Giải phẫu bệnh	



Phụ lục 6:

Nội dung chuyên môn thực hành chuyên ngành Dược học.

TT	Môn học/Học phần	Ghi chú
1	TH Dược lâm sàng bệnh viện	
2	TH Dược khoa	
3	Quản lý Dược bệnh viện	
4	TH quản lý và cung ứng thuốc	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

V/v Tổ chức cho học viên – sinh viên thực tập lâm sàng năm học 2023-2024

Số 08/HĐTH-YKV.ĐT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 91/2015/QH 13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/05/2005, có hiệu lực ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Thông tư số 44/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành quy định về chế độ thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục;
- Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Căn cứ QĐ số/QĐ-ĐHYKV ngày/...../..... v/v ban hành quy chế chi tiêu nội bộ.
- Căn cứ chương trình giáo dục và kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024 của Trường Đại học Y khoa Vinh.

Xét khả năng và điều kiện của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 11/...8../2023, Tại: Bệnh viện Sản nhi Nghệ An.

Chúng tôi gồm:

- Bên A: Trường Đại học Y khoa Vinh

Địa chỉ : 161, Nguyễn Phong Sắc, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại : 02383.848.854.

Tài khoản : 5101.000.6306688 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An

Đại diện là : Ông: Nguyễn Văn Tuấn

Chức vụ : Hiệu trưởng

- Bên B: Bệnh viện Sản nhi Nghệ An

Địa chỉ : Số 19, Tôn Thất Tùng, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại : 02383.844129

Tài khoản : 51010008658899 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An

Đại diện là : Ông: Tăng Xuân Hải

Chức vụ : Giám đốc

Sau khi thoả thuận, hai bên ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

Bên A thuê bên B tổ chức quản lý, hướng dẫn, giảng dạy, kiểm tra đánh giá lâm sàng cho học viên, sinh viên tại cơ sở thực hành theo kế hoạch hàng năm của trường Đại học Y khoa Vinh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng học:

- Đào tạo đại học: Y khoa, Y học dự phòng, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật Xét nghiệm y học.
- Đào tạo sau đại học: chuyên khoa 1 các ngành: Nhi khoa, Sản khoa, Tai mũi họng (học phần Tai mũi họng Nhi).
- Học viên đào tạo liên tục.

2. Thời gian, số lượng và địa điểm học:

- *Thời gian thực hiện:* từ ngày 05/9/2023 đến ngày 30/08/2024.
- *Số lượng:* mỗi khoa 15-30 sinh viên/nhóm/tháng.
- *Địa điểm học:* Theo chuyên ngành tại các khoa chuyên môn (có kế hoạch cụ thể của Phòng Đào tạo).

3. Nội dung và phương pháp học:

- Nội dung: học viên, sinh viên thực hiện các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thăm khám, làm bệnh án, chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân theo đúng chỉ tiêu lâm sàng.
- Phương pháp học:
 - + Tổ chức giao ban, giảng dạy lâm sàng, sinh hoạt chuyên đề cho các đối tượng do bên A gửi đến tại giường bệnh.
 - + Giao ban chung và sinh hoạt khoa học.
 - + Thi lâm sàng kết thúc học phần tín chỉ.

Điều 2: Trách nhiệm của mỗi bên.

1. Trách nhiệm của bên A

- Phối hợp thống nhất nội dung từng học phần tín chỉ.
- Lập kế hoạch dạy học lâm sàng tại Bệnh viện. Gửi kế hoạch và danh sách học viên, sinh viên cho bên B trước ngày thực hiện ít nhất một tuần.
- Phối hợp bên B quản lý; tổ chức cho học viên, sinh viên học tập, nghiên cứu theo môn học, học phần.

- Phối hợp bên B tổ chức đánh giá kết quả học tập của học viên, sinh viên.
- Bảo đảm phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức của học viên, sinh viên đến thực tập tại bên B.
- Thanh toán kinh phí quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung, quản lý dạy học tại các khoa, giảng dạy lâm sàng và chấm thi lâm sàng.

2. Trách nhiệm của bên B

- Tiếp nhận, quản lý nhóm học viên, sinh viên trong thời gian thực tập tại cơ sở.
- Lên lịch dạy học cụ thể và phân công cán bộ giảng dạy lâm sàng tại các khoa.
- Bố trí cán bộ giảng dạy phù hợp với từng đối tượng theo quy định.
- Phối hợp với bên A tham gia chấm thi và đánh giá quá trình thực tập.
- Phối hợp giáo dục, giúp đỡ học viên, sinh viên trong thời gian thực tập.
- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, môi trường cho học viên, sinh viên thực tập lâm sàng tại các khoa, phòng, trung tâm của Bệnh viện.
- Sau khi Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng được ký kết, bên A chuyển tiền cho bên B. Bên B có trách nhiệm chi trả kinh phí quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung, quản lý dạy học tại các khoa, giảng dạy lâm sàng và chấm thi lâm sàng cho các tập thể và cá nhân trực tiếp tham gia (theo bảng tổng hợp chi tiết kèm theo) có xác nhận hai bên.

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

- Bao gồm các nội dung được tạm tính như sau:

1. Quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung tại cơ sở thực hành:

Dự kiến: 5 tiết/1 tuần có SV thực tập, cụ thể: 5 tiết x 40 tuần = 200 tiết

2. Quản lý dạy học tại các khoa:

Dự kiến: 0,5 tiết/1 tuần/khoa có SV thực tập, cụ thể: 0,5 tiết x 40 tuần x 15 khoa = 300 tiết

3. Giảng dạy lâm sàng: Dự kiến: 1500 tiết

4. Chấm thi lâm sàng: Dự kiến: 200 tiết

- **Tổng cộng: Thanh toán với định mức 1 tiết = 50.000 VNĐ, cụ thể:**

Cộng (1) + (2) + (3) + (4) = 200 + 300 + 1500 + 200 = 2200 tiết x 50.000 VNĐ = 110.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng chẵn)

- Bên A thanh toán hết cho bên B ngay sau khi Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng ký kết.
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

Điều 4: Điều khoản chung

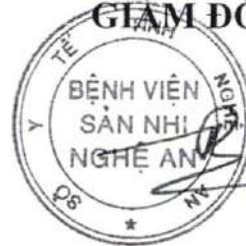
- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản được ghi trong hợp đồng. Các vấn đề phát sinh sẽ được hai bên nghiên cứu, trao đổi, thống nhất và khi cần thiết sẽ ký các phụ lục bổ sung cho hợp đồng này để quy định cụ thể về nội dung công việc, kết quả, khối lượng, thời gian, kinh phí và thanh toán liên quan (nếu có). Trường hợp không giải quyết được thì phải đưa ra tòa án kinh tế (Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An) và 2 bên có trách nhiệm thi hành quyết định cuối cùng của tòa án. Bên thua phải chịu mọi án phí của tòa.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được làm thành 04 bản, có giá trị như nhau; bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.
- Hợp đồng hết hiệu lực kể từ khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng ./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Tăng Xuân Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

V/v Tổ chức cho học viên – sinh viên thực tập lâm sàng năm học 2023-2024

Số 03/HĐTH-YKV.ĐT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 91/2015/QH 13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/05/2005, có hiệu lực ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Thông tư số 44/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành quy định về chế độ thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục;
- Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Căn cứ QĐ số/QĐ-ĐHYKV ngày/...../..... v/v ban hành quy chế chi tiêu nội bộ.
- Căn cứ giấy ủy quyền số 1280/GUQ-ĐHYKV ngày 18/8/2023 v/v Hiệu trưởng ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng ký kết hợp đồng;
- Căn cứ chương trình giáo dục và kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024 của Trường Đại học Y khoa Vinh.

Xét khả năng và điều kiện của mỗi bên.

Hôm nay, ngày/...../2023. Tại: Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh.

Chúng tôi gồm:

- Bên A: Trường Đại học Y khoa Vinh

Địa chỉ : 161, Nguyễn Phong Sắc, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại : 02383.848.854.

Tài khoản : 5101.000.6306688 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An

Đại diện là : Ông: Cao Trường Sinh

Chức vụ : Phó Hiệu trưởng

- Bên B: Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh.

Địa chỉ : Số 178, Trần Phú, Hồng Sơn, TP Vinh, Nghệ An.

Điện thoại : 02383.844.626

Fax : 02383.844.626 – Mã số thuế : 2900329055-006

Tài khoản : 114.000.171.557 – Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Vinh.

Đại diện là : Ông: Nguyễn Hồng Trường

Chức vụ : Giám đốc



Sau khi thoả thuận, hai bên ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

Bên A thuê bên B tổ chức quản lý, hướng dẫn, giảng dạy, kiểm tra đánh giá lâm sàng cho học viên, sinh viên tại cơ sở thực hành theo kế hoạch hàng năm của trường Đại học Y khoa Vinh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng học:

- Đào tạo đại học: Y khoa, Y học dự phòng, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật Xét nghiệm y học.
- Đào tạo sau đại học: chuyên khoa 1 các ngành: Nội khoa, Ngoại khoa.
- Học viên đào tạo liên tục.

2. Thời gian, số lượng và địa điểm học:

- *Thời gian thực hiện:* từ ngày 05/9/2023 đến ngày 30/08/2024.
- *Số lượng:* mỗi khoa 15-30 sinh viên/nhóm/tháng.
- *Địa điểm học:* Theo chuyên ngành tại các khoa chuyên môn (có kế hoạch cụ thể của Phòng Đào tạo).

3. Nội dung và phương pháp học:

- Nội dung: học viên, sinh viên thực hiện các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thăm khám, làm bệnh án, chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân theo đúng chỉ tiêu lâm sàng.
- Phương pháp học:
 - + Tổ chức giao ban, giảng dạy lâm sàng, sinh hoạt chuyên đề cho các đối tượng do bên A gửi đến tại giường bệnh.
 - + Giao ban chung và sinh hoạt khoa học.
 - + Thi lâm sàng kết thúc học phần tín chỉ.

Điều 2: Trách nhiệm của mỗi bên.

1. Trách nhiệm của bên A

- Phối hợp thống nhất nội dung từng học phần tín chỉ.
- Lập kế hoạch dạy học lâm sàng tại Bệnh viện. Gửi kế hoạch và danh sách học viên, sinh viên cho bên B trước ngày thực hiện ít nhất một tuần.
- Phối hợp bên B quản lý; tổ chức cho học viên, sinh viên học tập, nghiên cứu theo môn học, học phần.
- Phối hợp bên B tổ chức đánh giá kết quả học tập của học viên, sinh viên.

- Bảo đảm phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức của học viên, sinh viên đến thực tập tại bên B.
- Thanh toán kinh phí quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung, quản lý dạy học tại các khoa, giảng dạy lâm sàng và chấm thi lâm sàng.

2. Trách nhiệm của bên B

- Tiếp nhận, quản lý nhóm học viên, sinh viên trong thời gian thực tập tại cơ sở.
- Lên lịch dạy học cụ thể và phân công cán bộ giảng dạy lâm sàng tại các khoa.
- Bố trí cán bộ giảng dạy phù hợp với từng đối tượng theo quy định.
- Phối hợp với bên A tham gia chấm thi và đánh giá quá trình thực tập.
- Phối hợp giáo dục, giúp đỡ học viên, sinh viên trong thời gian thực tập.
- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, môi trường cho học viên, sinh viên thực tập lâm sàng tại các khoa, phòng của Bệnh viện.
- Sau khi Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng được ký kết, bên A chuyển tiền cho bên B. Bên B có trách nhiệm chi trả kinh phí quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung, quản lý dạy học tại các khoa, giảng dạy lâm sàng và chấm thi lâm sàng cho các tập thể và cá nhân trực tiếp tham gia (theo bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

- Bao gồm các nội dung được tạm tính như sau:

1. Quản lý hoạt động dạy học lâm sàng chung tại cơ sở thực hành:

Dự kiến: 3 tiết/1 tuần có SV thực tập, cụ thể: 3 tiết x 40 tuần = 120 tiết

2. Quản lý dạy học tại các khoa:

Dự kiến: 0,5 tiết/1 tuần/khoa có SV thực tập, cụ thể: 0,5 tiết x 40 tuần x 14 khoa = 280 tiết

3. Giảng dạy lâm sàng: Dự kiến: 1500 tiết

4. Chấm thi lâm sàng: Dự kiến: 400 tiết

- **Tổng cộng: Thanh toán với định mức 1 tiết = 50.000 VNĐ, cụ thể:**

Cộng (1) + (2) + (3) + (4) = 80 + 280 + 1500 + 400 = 2260 tiết x 50.000 VNĐ = 113.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu đồng chẵn)

- Bên A thanh toán hết cho bên B ngay sau khi Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng ký kết.
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

Điều 4: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản được ghi trong hợp đồng. Các vấn đề phát sinh sẽ được hai bên nghiên cứu, trao đổi, thống nhất và khi cần thiết sẽ ký các phụ lục bổ sung cho hợp đồng này để quy định cụ thể về nội dung công việc, kết quả, khối lượng, thời gian, kinh phí và thanh toán liên quan (nếu có). Trường hợp không giải quyết được thì phải đưa ra tòa án kinh tế (Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An) và 2 bên có trách nhiệm thi hành quyết định cuối cùng của tòa án. Bên thua phải chịu mọi án phí của tòa.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được làm thành 03 bản, có giá trị như nhau; bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.
- Hợp đồng hết hiệu lực kể từ khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng ./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



*** Cao Trường Sinh**

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



*** Nguyễn Hồng Trường**



BẢNG TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA, BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2024

Tên đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y khoa Vinh

TT	Trình độ, tên từng chuyên ngành	Tổng quy mô đào tạo tại thời điểm xác định chỉ tiêu tuyển sinh	Dự kiến số học viên tốt nghiệp năm 2024	Số học viên còn lại	Chỉ tiêu đề xuất 2024	Tổng quy mô đào tạo dự kiến 2024	Số lượng GV cơ hữu	Số lượng GV thỉnh giảng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Tổng giảng viên	Tổng quy mô đào tạo tính theo năng lực đội ngũ giảng viên	Chỉ tiêu được tuyển sinh năm 2024 của Cơ sở đào tạo
		(1)	(2)	(3) = (1-2)	(4)	(5) = (3+ 4)	(6)	(7)	(8) = (6+ 7)	(9)	(10) = (9-3)
I	Chuyên khoa cấp II									(9) = 8*3	
	Tổng										
II	Bác sĩ nội trú									(9) = 8*3	
	Tổng										
III	Chuyên khoa cấp I									(9) = 8*10	
1	Nội khoa	41	18	23	30	53	9	0	9	90	67
2	Nhi khoa	11	0	11	30	41	3	6	9	90	79
3	Sản phụ khoa	9	0	9	20	29	3	1	4	40	31
4	Tai mũi họng	10	0	10	30	40	3	3	6	60	50
	Tổng	71	18	53	110	163	18	10	28	280	227

Người lập bảng
Họ tên: Trần Thị Kiều Anh
Chữ ký:
Điện thoại: 0912584133
Email: kieuanh@vmu.edu.vn

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN VĂN TUẤN
Trưởng Trường Đại học Y Khoa Vinh